

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TIẾNG ANH

1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh định hướng nghiên cứu
2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh định hướng ứng dụng
3. Ngôn ngữ Anh định hướng nghiên cứu
4. Ngôn ngữ Anh định hướng ứng dụng
5. Ngôn ngữ học ứng dụng định hướng ứng dụng
6. Ngôn ngữ học ứng dụng định hướng Nghiên cứu
7. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ dành cho sinh viên tốt nghiệp hệ
Chất lượng cao ngành Lí luận & Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh
định hướng nghiên cứu
8. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ dành cho sinh viên tốt nghiệp hệ
Chất lượng cao ngành Lí luận & Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh
định hướng ứng dụng
9. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ dành cho sinh viên tốt nghiệp hệ
Chất lượng cao ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh định hướng
Nghiên cứu



10. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ dành cho sinh viên tốt nghiệp hệ
Chất lượng cao ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh định hướng
ứng dụng

Chương trình đào tạo chuẩn ĐHQGHN trình độ thạc sĩ ban hành theo
Quyết định số 1649/QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hiệu
trưởng trường ĐHNN-ĐHQGHN.

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Tuấn Minh



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU
CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN
TIẾNG ANH
MÃ SỐ: 8140111.01NC

*(Ban hành theo Quyết định số 1649/QĐ-ĐHQGHN, ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh

+ Tiếng Anh: English Teaching Methodology

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8140111.01NC

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Sư phạm Tiếng Anh

+ Tiếng Anh: English Language Teacher Education

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Anh

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Sư phạm Tiếng Anh

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in English Language Teacher Education

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

MC1. Chương trình đào tạo định nghiên cứu này nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao ngành Sư phạm tiếng Anh có phẩm chất đạo đức tốt, khả năng thích ứng cao, được cập nhật và nâng cao tri thức về giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ bao gồm phương pháp giảng dạy Tiếng Anh, giảng dạy Tiếng Anh chuyên

ngành, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, kiểm tra đánh giá và phát triển chương trình, hiểu về người học, hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa và môi trường dạy học tiếng Anh trong nước và quốc tế, để có khả năng dạy tiếng Anh trong các bối cảnh và lĩnh vực khác nhau.

Sau khi tốt nghiệp chương trình, thạc sỹ chương trình Lý luận và Phương pháp giảng dạy học bộ môn tiếng Anh có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành nhà giáo dục giỏi ở các bậc học, cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh nói riêng và ngành sư phạm nói chung.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

M1. Cung cấp cho học viên kiến thức khoa học nền tảng và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn và các khoa học sư phạm;

M2. Mở rộng và cập nhật kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn dạy học tiếng Anh để học viên tốt nghiệp vận dụng vào nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn dạy học tiếng Anh cho các đối tượng người học khác nhau.

Về kỹ năng:

M3. Đào tạo các kỹ năng liên quan tới phương pháp dạy học ngoại ngữ, đặt biệt là các kỹ năng phục vụ nghiệp vụ giảng dạy Tiếng Anh.

M4. Đề xuất và thực hiện những sáng kiến đổi mới phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh trong phạm vi trường học và địa phương của mình, trong các điều kiện giảng dạy cụ thể, đối với các đối tượng người học và mục tiêu dạy học cụ thể.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

M5. Xây dựng năng lực học độc lập và học suốt đời, cùng với việc phát triển phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định và hướng dẫn thi tuyển hàng năm theo quy định của ĐHQGHN.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Xét tuyển* đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Lí luận & Phương pháp dạy học ngoại ngữ

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Anh

3.2. Chuyên ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm tiếng Anh hoặc Ngôn ngữ Anh.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu

yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- *Về kinh nghiệm công tác*: Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính các ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

4.1. Những vị trí công tác học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh định hướng nghiên cứu có thể đảm trách công tác nghiên cứu khoa học, đảm nhận các vị trí công tác giáo viên tiếng Anh nòng cốt ở các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp; giảng viên tiếng Anh tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng chuyên ngoại ngữ; giảng viên tiếng Anh chuyên ngành tại các học viện các trường đại học và cao đẳng; chuyên viên nghiên cứu về giảng dạy ngoại ngữ của Bộ GD&ĐT, các sở, ban GD&ĐT của các địa phương trên cả nước, v.v... Đặc biệt, học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo này có năng lực và điều kiện tốt để học tập và nghiên cứu ở bậc cao hơn và đảm nhận các nhiệm vụ công tác chuyên sâu hơn.

4.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh định hướng nghiên cứu có khả năng thiết kế và thực hiện các chương trình dạy học tiếng Anh ở các học viện, trường đại học, cao đẳng chuyên và không chuyên tiếng Anh; làm nòng cốt chuyên môn ở các trường phổ thông trung học, trung cấp chuyên nghiệp; dẫn dắt và khởi xướng các dự án nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh và các ngành liên quan v.v...

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại nơi làm việc;
- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực Sư phạm Anh.
- Có cơ hội học lên ở bậc cao hơn (tiến sĩ) các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Sư phạm Anh và các lĩnh vực khác thuộc ngôn ngữ học ứng dụng, nghiên cứu liên ngành liên quan đến ngôn ngữ Anh để trở thành các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực được đào tạo.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo

1. Taught courses in Modern Languages, School of Humanities – the University of Southampton, the UK

http://www.southampton.ac.uk/humanities/postgraduate/taught_courses/taught_courses/our_courses/modern_languages.page

2. The Master of Applied Linguistics, the University of Melbourne, Australia

<http://coursesearch.unimelb.edu.au/grad/795-master-of-applied-linguistics>

3. The MA in English Language and Literary Studies, the University of Lancaster, the UK.<http://www.lancaster.ac.uk/study/postgraduate/postgraduate-courses/english-language-and-literary-studies-ma>

4. Applied Linguistics, MA (Online and On-Campus), the University of Massachusetts Boston, the US

<https://www.umb.edu/academics/cla/appling/grad/online>

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- PLO 1. Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiên bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc.

- PLO 2. Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

1.2. Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành

- PLO 3. Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học các nước nói tiếng Anh, giao tiếp liên văn hóa bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.

- PLO 4. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.

- PLO 5. Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp;

Kiến thức cơ sở:

- Các trường phái ngôn ngữ học như ngôn ngữ học cấu trúc, ngôn ngữ học cải biến - tạo sinh, ngôn ngữ học chức năng, ngôn ngữ học tri nhận;

- Các ngành học liên quan đến lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh như ngôn ngữ học tâm lý, ngôn ngữ học xã hội, chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ; dụng học; v.v...
- Kiến thức ngoại ngữ học thuật phù hợp với chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh.

Kiến thức chuyên ngành:

- Các lý thuyết về quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai;
- Lý luận về phương pháp dạy học (tiếng Anh) và những vấn đề liên quan đến dạy học tiếng Anh đang được quan tâm trong cộng đồng chuyên môn thế giới;
- Lý thuyết về quá trình học;
- Tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ;
- Giáo dục song ngữ;
- Các phương pháp giáo dục giáo viên ngoại ngữ;
- Các lý thuyết về giảng dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh;
- Phát triển chương trình và tài liệu dạy học ngoại ngữ;
- Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ;
- Kiểm tra

1.3. Kiến thức của ngành / chuyên ngành

- PLO 6: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, truyền thông, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.
- PLO 7: Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..
- PLO 8: Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo

vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

- PLO 9: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;
- PLO 10: Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.
- PLO 11: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.
- PLO 12: Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.

2.2. Kỹ năng khác

- PLO 13: Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.
- PLO 14: Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).
- PLO15: Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn,

trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PLO 16: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.

- PLO 17: Vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành Lí luận & phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh và xử lý mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Lí luận & phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao.

- PLO 18: Có thể độc lập, tự chủ trong việc thực hành nghiên cứu chuyên ngành Lí luận & phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh, nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị để ứng dụng trong các công việc liên quan như nghiên cứu liên ngành, biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...

PLO. 19: Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

4. Về phẩm chất đạo đức

- PLO 20: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội

**B. Ma trận chuẩn đầu ra CTĐT trong mối tương quan với Khung trình độ quốc gia (bậc 7)
chuyên ngành: Lí luận & phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh**

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức TC&TN			
Mã CDR	Nội dung CDR	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
1	Kiến thức													
1.1	Kiến thức chung													
PLO 1	Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiên bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc	x	x		x	x	x				x	x	x	x
PLO 2	Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.	x	x		x	x			x		x	x	x	x
PLO 3	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, truyền thông, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất			x	x	x	x	x			x	x	x	x
1.2	Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành													
PLO 4	Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học các nước nói tiếng Anh, giao tiếp liên văn hóa, giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ; bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	
PLO 5	Vận dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
1.3	Kiến thức của ngành / chuyên ngành													
PLO 6	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Anh, một cách sáng tạo và phục vụ các công việc nghiên cứu về phương pháp giảng dạy và các việc khác liên quan đến giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.	x	x		x			x	x		x	x	x	

PLO 7	Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đồng đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
PLO 8	Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.	x			x	x			x		x	x	x	
2	Chuẩn đầu ra về kĩ năng													
2.1	Kỹ năng chuyên môn													
PLO 9	Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;	x	x		x	x					x	x	x	x
PLO 10	Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.	x	x		x	x		x			x	x	x	x
PLO 11	Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	x	x	x	x	x		x			x	x	x	x
PLO 12	Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.									x	x	x	x	x
CĐR 13	Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
2.2	Kỹ năng khác													
PLO 14	Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.	x	x		x	x					x	x	x	x
PLO 15	Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	x	x		x	x	x	x			x	x	x	x
											x	x	x	x
3	Về mức độ tự chủ và trách nhiệm													
PLO 16	Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
PLO 17	Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Anh và mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành dạy học tiếng Anh để đạt hiệu quả và tiến độ cao;	x	x		x	x			x		x	x	x	x

PLO 18	Có thể độc lập, tự chủ trong việc áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
PLO 19	Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
4	Về phẩm chất đạo đức													
PLO 20	Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x

C. Ma trận chuẩn đầu ra trong mối tương quan với các học phần

Mã học phần	Học phần	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO 10	PO 11	PO 12	PO 13	P14	PO 15	PO 16	PO 17	PO 18	PO 19	PO 20
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	x	x	x	x	x
ENG6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Anh)					4		4	4	4		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng	3				4		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6028	Tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ	3		5				4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn	3				4	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh			5	4	4	5	5	5	4	5	5		4	5	5	x	x	x	x	x
ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học		5					4	4	4		5		4		4	x	x	x	x	x
ENG6010	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6205	Dụng học					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x

ENG6007	Giao tiếp giao văn hoá			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6022	Các lí thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai		5					4	4	4		5		4		4	x	x	x	x	x
ENG6018	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ			5	4	4		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6002	Ngôn ngữ học ứng			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6029	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ	4		5		4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6027	Lí thuyết về quá trình học					5	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh)				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6011	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6012	Văn học trong dạy học tiếng Anh	3		5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
ENG6013	Hoa Kỳ học			5			4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội		5		5			5	5	5	4	5		5	5	5	x	x	x	x	x
ENG6015	Ngôn ngữ học đối chiếu				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x

ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật				4	4	4	5	5	5	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
ENG6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ				4	5	5	5	4	4	4	5		4	5	5	x	x	x	x	x
ENG6025	Tiếng Anh toàn cầu			5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
ENG6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành				4	5	5	5	5	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ	4	5	5	4	5	5	5	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4
GLE 6001	Giáo dục cách tân			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4
GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4
GLE 6003	Thiết kế cuộc đời			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4
STE 6001	Thiết kế và thực hành nghiên cứu	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	x	x	x	x	x
STE 6003	Hướng dẫn viết luận văn	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	x	x	x	x	x
STE 6004	Tính tự chủ và cá thể hóa trong quá trình học ngoại ngữ	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	x	x	x	x	x

STE 6005	Dạy ngoại ngữ cho trẻ em																				x
STE 6006	Dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh trong bối cảnh giáo dục toàn cầu	4	5	5	5	5	5	5	5	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
STE 6007	Học trực tuyến và Giảng dạy tiếng Anh	4	5	5	4	5	5	5	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
STE 6011	Phân tích ngôn ngữ cho giảng dạy tiếng Anh	4	5	5	4	4	5	5	5	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
STE 6009	Đánh giá phản biện các phương pháp giảng dạy tiếng Anh	4	5	5	4	5	5	5	5	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
STE 6012	Đa ngôn tính và dạy học tích hợp nội dung-ngôn ngữ	4	5	5	5	4	4	5	5	4	4	5		4	5	5	x	x	x	x	x
ENG7204	Luận văn tốt nghiệp	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x	x
		Kiến thức							Kỹ năng					Tự chủ							

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: **61 tín chỉ**

- Khối kiến thức chung bắt buộc: **04 tín chỉ**

- Khối kiến thức theo nhóm ngành/chuyên ngành: **27 tín chỉ**

+ *Bắt buộc*: **18 tín chỉ**

+ *Lựa chọn*: **9 tín chỉ**

- Nghiên cứu khoa học **30 tín chỉ**

+ *Chuyên đề nghiên cứu*: **15 tín chỉ**

+ *Luận văn*: **15 tín chỉ**

2. Khung chương trình

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	4				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức theo nhóm ngành/ chuyên ngành						
II.1	Các học phần bắt buộc: 06 học phần		18				
2.	ENG6020	Những vấn đề ngôn ngữ học đại cương và ứng dụng thực tiễn (Issues in General linguistics and their Practical Applications)	3	45	0	0	PHI5002
3.	ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng (Research Methods in Applied Linguistics)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
4.	ENG6028	Tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ (<i>Psychology for Language Teaching</i>)	3	45	0	0	
5.	ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (<i>Approaches to Discourse Analysis</i>)	3	45	0	0	
6.	ENG6022	Các lý thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai (<i>Theories of Second Language Learning</i>)	3	45	0	0	
7.	ENG6018	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (<i>Language Teaching Methodology</i>)	3	45	0	0	
II.2	Học phần tự chọn (3 học phần)		9				
8.	ENG6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh (<i>Approaches to English Language Teaching Curriculum and Materials Development</i>)	3	45	0	0	
9.	ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa (<i>Intercultural Communication</i>)	3	45	0	0	
10.	ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học (<i>Academic English Writing</i>)	3	45	0	0	
11.	ENG6010	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học (<i>Principles of Phonetics and Phonology</i>)	3	45	0	0	
12.	ENG6205	Dụng học (<i>Pragmatics</i>)	3	45	0	0	
13.	ENG6007	Giao tiếp giao văn hoá (<i>Cross-Cultural Communication</i>)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
14.	ENG6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (<i>Introduction to Applied Linguistics</i>)	3	45	0	0	
15.	ENG6029	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (<i>Language Testing and Assessment</i>)	3	45	0	0	
16.	ENG6027	Lí thuyết về quá trình học (<i>Theories of Learning</i>)	3	45	0	0	
17.	ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (<i>Semantics (English)</i>)	3	45	0	0	
18.	ENG6011	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ (<i>Technology in Language Teaching</i>)	3	45	0	0	
19.	ENG6012	Văn học trong dạy học tiếng Anh (<i>Literature in English Teaching</i>)	3	45	0	0	
20.	ENG6013	Hoa Kỳ học (<i>American Studies</i>)	3	45	0	0	
21.	ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (<i>Language, Culture and Society</i>)	3	45	0	0	
22.	ENG6015	Ngôn ngữ học đối chiếu (<i>Contrastive Linguistics</i>)	3	45	0	0	
23.	ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật (<i>Translation Studies</i>)	3	45	0	0	
24.	ENG6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ (<i>Language Policy and Enactment</i>)	3	45	0	0	
25.	ENG6025	Tiếng Anh toàn cầu (<i>World Englishes</i>)	3	45	0	0	
26.	ENG6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành (<i>Content and Language Integrated Learning</i>)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
27.	ENG6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ (<i>Bilingualism and Bilingual Education</i>)	3	45	0	0	
28.	GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	45	0	0	
29.	GLE 6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Design your Life</i>)	3	45	0	0	
30.	PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp (<i>Teacher ethics and professional development</i>)	3	45	0	0	
31.	GLE 6001	Giáo giục cách tân (<i>innovative education</i>)	3	45	0	0	
III	Nghiên cứu khoa học (5 chuyên đề)		15				

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
III.1	Chuyên đề nghiên cứu (5 chuyên đề)		15				
32.	STE 6001	Thiết kế và thực hành nghiên cứu (Research Design and Practice)	3	45	0	0	
33.	STE 6003	Hướng dẫn viết luận văn (Dissertation)	3	45	0	0	
34.	STE 6004	Tính tự chủ và cá thể hóa trong quá trình học ngoại ngữ (Autonomy and Individualisation in Foreign Language Learning)	3	45	0	0	
35.	STE 6015	Giao tiếp liên văn hóa một cách tiếp cận khác (Intercultural communication: an alternative view)	3	45	0	0	
36.	STE 6005	Dạy ngoại ngữ cho trẻ em (Teaching Foreign Languages to Younger Learners)	3	45	0	0	
37.	STE 6006	Dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh trong bối cảnh giáo dục toàn cầu (English as Medium of Instruction in Global Education)	3	45	0	0	
38.	STE 6009	Đánh giá phản biện các phương pháp giảng dạy tiếng Anh (Current Issues in Language Teaching Methodology)	3	45	0	0	
39.	STE 6007	Thiết kế tài liệu sáng tạo trong giảng dạy tiếng Anh (Creative Materials Design for Language Teaching)	3	45	0	0	
39.	STE 6020	Đa ngôn tính và dạy học tích hợp nội dung-ngôn ngữ (Heteroglossia and CLIL Pedagogy)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
	STE 6016	Tiếng Anh như một ngôn ngữ thế giới (<i>English as a World Language</i>)	3	45	0	0	
40	STE 6021	Những khía cạnh nghiên cứu và ứng dụng của ngôn ngữ học chức năng hệ thống (<i>Systemic Functional Linguistics: Theories and Practices</i>)	3	45	0	0	
III.2	ENG7204	Luận văn thạc sỹ	15				
		Tổng cộng	61				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG

CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN
TIẾNG ANH

MÃ SỐ: 8140111.01UD

*(Ban hành theo Quyết định số 1649/QĐ-ĐHNN-ĐHQGHN, ngày 20 tháng 7 năm
2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHNN-ĐHQGHN)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh

+ Tiếng Anh: English Teaching Methodology

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8140111.01UD

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Sư phạm Tiếng Anh

+ Tiếng Anh: English Language Education

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh, tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Sư phạm Tiếng Anh

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in English Language Education

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

MC1. Chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh định hướng Ứng dụng đặt trọng tâm đào tạo ra những nhà chuyên môn có kiến thức lý thuyết nâng cao về phương pháp dạy học tiếng Anh và các khoa học có liên quan, có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá Anh và các nước nói tiếng Anh để vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào việc nghiên cứu phương pháp dạy học tiếng Anh;

MC2. Học viên tốt nghiệp chương trình thạc sỹ Lý luận và Phương pháp giảng dạy học bộ môn tiếng Anh có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành nhà giáo dục giỏi ở các bậc học, cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu tiếng Anh nói riêng và ngành sư phạm nói chung, những người có thể tạo ra sự thay đổi trong thực hành nghề nghiệp và dẫn dắt, tạo ảnh hưởng trong cộng đồng học thuật trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

M1. Cung cấp kiến thức chuyên sâu về các khoa học ngôn ngữ và các khoa học sư phạm;

M2. Mở rộng và cập nhật kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn dạy học tiếng Anh để học viên tốt nghiệp vận dụng vào nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn dạy học tiếng Anh cho các đối tượng người học khác nhau.

Về kỹ năng:

M3. Đào tạo các kỹ năng liên quan tới phương pháp dạy học ngoại ngữ, và nghiên cứu phục vụ nghiệp vụ giảng dạy Tiếng Anh.

M4. Phát triển kỹ năng xây dựng và thực hiện các đề tài nghiên cứu cải tiến phương pháp sư phạm để nâng cao hiệu quả dạy học của bản thân và góp phần đưa ra những sáng kiến đổi mới phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh trong phạm vi trường học và địa phương của mình, trong các điều kiện giảng dạy cụ thể, đối với các đối tượng người học và mục tiêu dạy học cụ thể.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

M5. Xây dựng năng lực học độc lập và học suốt đời, cùng với việc phát triển phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

M6. Xây dựng cho học viên có phẩm chất đặc trưng của học viên ULIS:

Là người học hạnh phúc; Đam mê khám phá tri thức mới; Quan tâm đến kết nối và phục vụ cộng đồng; Sáng tạo trong giải quyết vấn đề; Chủ động, tập trung trong quá trình học tập, nghiên cứu; Hiệu quả trong quản lý thời gian; Thích ứng nhanh với những thay đổi trong các môi trường học tập, nghiên cứu và làm việc khác nhau.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo quy định của ĐHQGHN và thi tuyển hàng năm

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Xét tuyển* đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Lí luận & Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Anh

3.2. Chuyên ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng Nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm tiếng Anh hoặc Ngôn ngữ Anh.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng ứng dụng liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;
- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.
- *Về kinh nghiệm công tác*: Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính các ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

4.1. Những vị trí công tác học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh định hướng ứng dụng có thể đảm nhận các vị trí công tác giáo viên tiếng Anh nòng cốt ở các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp; giảng viên tiếng Anh tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng chuyên ngoại ngữ; giảng viên tiếng Anh chuyên ngành tại các học viện các trường đại học và cao đẳng; các nhà quản lý giáo dục, các nhà nghiên cứu giáo dục v.v...

4.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh định hướng ứng dụng có khả năng thiết kế và thực hiện các chương trình dạy học tiếng Anh ở các học viện, trường đại học, cao đẳng chuyên và không chuyên tiếng Anh; làm nòng cốt chuyên môn ở các trường phổ thông trung học, trung cấp chuyên nghiệp; đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu cải tiến dạy học tiếng Anh khoa học và ứng dụng chuyên biệt thuộc lĩnh vực phương pháp dạy học tiếng Anh nói riêng và dạy học ngôn ngữ nói chung.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình thạc sĩ LL&PPDHBMT Tiếng Anh

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại nơi làm việc.
- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực Sư phạm Anh
- Có cơ hội học lên ở bậc cao hơn (tiến sĩ) các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Sư phạm Anh và các lĩnh vực khác thuộc ngôn ngữ học ứng dụng, nghiên cứu liên ngành liên quan đến chuyên ngành Lí luận & Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh v.v.. để trở thành các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực được đào tạo.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo

1. Taught courses in Modern Languages, School of Humanities – the University of Southampton, the UK

2. The Master of Applied Linguistics, the University of Melbourne, Australia

<http://coursesearch.unimelb.edu.au/grad/795-master-of-applied-linguistics>

3. The MA in English Language and Literary Studies, the University of Lancaster, the UK

<http://www.lancaster.ac.uk/study/postgraduate/postgraduate-courses/english-language-and-literary-studies-ma>

4. Applied Linguistics, MA (Online and On-Campus), the University of Massachusetts Boston, the US

<https://www.umb.edu/academics/cla/appling/grad/online>

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- PLO 1. Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên việc các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiên bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc.
- PLO 2. Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

- PLO 3. Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học các nước nói tiếng Anh, giao tiếp liên văn hóa, giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ; bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.
- PLO 4. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.
- PLO 5. Vận dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;

Kiến thức cơ sở:

- Các trường phái ngôn ngữ học như ngôn ngữ học cấu trúc, ngôn ngữ học cải biến - tạo sinh, ngôn ngữ học chức năng, ngôn ngữ học tri nhận;

- Các ngành học liên quan đến lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh như ngôn ngữ học tâm lý, ngôn ngữ học xã hội, chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ; dụng học; v.v...
- Kiến thức ngoại ngữ học thuật phù hợp với chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh.

Kiến thức chuyên ngành:

- Các lý thuyết về quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai;
- Các lý thuyết về quá trình học;
- Tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ;
- Lý luận về phương pháp dạy học tiếng Anh và những vấn đề liên quan đến dạy học tiếng Anh đang được quan tâm trong cộng đồng chuyên môn thế giới;
- Các phương pháp giáo dục giáo viên ngoại ngữ;
- Phát triển chương trình và tài liệu dạy học ngoại ngữ;
- Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ;
- Kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh.

1.3. Kiến thức của ngành / chuyên ngành

- PLO 6: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Anh, một cách sáng tạo và phục vụ các công việc nghiên cứu về phương pháp giảng dạy và các việc khác liên quan đến giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.
- PLO 7: Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..
- PLO 8: Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo

vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

2.1. *Kĩ năng chuyên môn*

- PLO 9: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

- PLO 10: Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.

- PLO 11: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.

- PLO 12: Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.

- PLO 13: Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).

2.2. *Kỹ năng khác*

PLO 14: Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.

- PLO 15: Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word,

Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PLO 16: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.

- PLO 17: Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Anh và mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành dạy học tiếng Anh để đạt hiệu quả và tiến độ cao;

- PLO 18: Có thể độc lập, tự chủ trong việc áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;

PLO. 19: Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

4. Về phẩm chất đạo đức

- PLO 20: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.

B. Ma trận chuẩn đầu ra CTĐT trong mối tương quan với Khung trình độ quốc gia (bậc 7)
chuyên ngành: Lí luận & phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức TC&TN			
Mã PLO	Nội dung PLO	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
1	Kiến thức													
1.1	Kiến thức chung													
PLO 1	Vận dụng được kiến thức nền tảng chung về triết học, kiến thức chung về kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật;	x	x		x	x	x				x	x	x	x
PLO 2	Áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x					x	x	x	x
PLO 3	Áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x
1.2	Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành													
PLO 4	Xây dựng hệ thống kiến thức chuyên ngành tích hợp với các kiến thức nền tảng làm tiền đề cho việc phát triển các kỹ năng chuyển đổi giữa các ngành nghề liên quan, phù hợp.	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	
PLO 5	Vận dụng được các lý thuyết cơ bản về tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ, quá trình học ngoại ngữ trong công tác giảng dạy	x	x		x	x		x	x		x	x	x	

1.3	Kiến thức của ngành / chuyên ngành													
PLO 6	Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Anh và mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành dạy học tiếng Anh với hiệu quả và tiến độ cao;	x	x		x			x	x		x	x	x	
PLO 7	Truyền đạt và tiếp thu kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
PLO 8	Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.	x			x	x			x		x	x	x	
2	Chuẩn đầu ra về kĩ năng													
2.1	Kỹ năng chuyên môn													
PLO 9	Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;	x	x		x	x					x	x	x	x
PLO 10	Vận dụng được các lý thuyết cơ bản về tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ, quá trình học ngoại ngữ trong công tác giảng dạy	x	x		x	x		x			x	x	x	x
PLO 11	Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	x	x	x	x	x		x			x	x	x	x
PLO 12	Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).	x	x	x	x		x			x	x	x	x	

PLO 13	Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
2.2	Kỹ năng khác													
PLO 14	Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.	x	x		x	x					x	x	x	x
PLO 15	Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	x	x		x	x	x	x			x	x	x	x
3	Về mức độ tự chủ và trách nhiệm													
PLO 16	Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính hội nhập quốc tế cao;	x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x
PLO 17	Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Anh và mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành dạy học tiếng Anh để đạt hiệu quả và tiến độ cao;	x	x		x	x			x	x	x	x	x	x
PLO 18	Có thể độc lập, tự chủ trong việc áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x
PLO 19	Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện	x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x

	được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.														
4	Về phẩm chất đạo đức														
PLO 20	Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	

C. Ma trận chuẩn đầu ra trong mối tương quan với các học phần

Mã học phần	Học phần	PO1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO7	PO 8	PO 9	PO 10	PO 11	PO 12	PO 13	P14	PO 15	PO 16	PO 17	PO 18	PO 19	P O 2 0
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	5	5	5	5	5
ENG6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Anh)					4		4	4	4		5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng	3				4		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh)	3		5				4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG8028	Tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ	3				4	5	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn							4	4	4	5	5		4	5	5	5	5	5	5	5
ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh)		5					4	4	4		5		4		4	5	5	5	5	5
ENG6014	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội					5		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG62009	Tiếng Anh viết khoa học					5		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6027	Lí thuyết về quá trình học			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6007	Giao tiếp giao văn hóa		5					4	4	4		5		4		4	5	5	5	5	5
ENG6025	Dụng học			5	4	4		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6010	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học	4		5		4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6011	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học					5	4	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6015	Ngôn ngữ học đối chiếu				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5

ENG6018	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6022	Các lý thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai	3		5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	5	5	5	5	5
ENG6029	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ			5			4	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ		5		5			5	5	5	4	5		5	4	4	5	5	5	5	5
ENG6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	5	5	5	5	5
ENG6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	5	5	5	5	5
ENG6013	Hoa Kỳ học				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh			5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	5	5	5	5	5
ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	4	4	4	4	4
ENG6025	Tiếng Anh toàn cầu			5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	5	5	5	5	5
GLE 6001	Giáo dục cách tân			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4
GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4
GLE 6003	Thiết kế cuộc đời			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4
PEM 6003	Thực tập SP 1	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	5	5	5	5	5
PEM 6004	Thực tập SP 2	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	5	5	5	5	5
ENG7303	Đồ án tốt nghiệp	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	5	5	5	5	5
		Kiến thức						Kỹ năng						Tự chủ							

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **61 tín chỉ**

- Khối kiến thức chung (bắt buộc): **04 tín chỉ**

- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **42 tín chỉ**

+ *Bắt buộc*: **24 tín chỉ**

+ *Lựa chọn*: **18 tín chỉ**

+ *Thực tập*: **6 tín chỉ**

- *Đồ án tốt nghiệp*: **09 tín chỉ**

2. Khung chương trình

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	4				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	80	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		42				
II.1	Các học phần bắt buộc: 08 học phần		24				
2.	ENG6020	Những vấn đề Ngôn ngữ học đại cương và ứng dụng tiên (Issues in General linguistics and their Practical Applications)	3	45	0	0	
3.	ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng (Research Methods in Applied Linguistics)	3	45	0	0	
4.	ENG6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh) (Applied Linguistics (English))	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
5.	ENG8028	Tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ (<i>Psychology for Language Teaching</i>)	3	45	0	0	
6.	ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (<i>Approaches to Discourse Analysis</i>)	3	45	0	0	
7.	ENG6018	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (<i>Language Teaching Methodology</i>)	3	45	0	0	
8.	ENG6022	Các lý thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai (<i>Theories of Second Language Learning</i>)	3	45	0	0	
9.	ENG6029	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (<i>Language Testing and Assessment</i>)	3	45	0	0	
II.2	<i>Các học phần học phần tự chọn: 6 (học phần)</i>		18				
10.	ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (Semantics (English))	3	45	0	0	
11.	ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (<i>Language, Culture and Society</i>)	3	45	0	0	
12.	ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học (<i>Academic Writing</i>)	3	45	0	0	
13.	ENG6027	Lý thuyết về quá trình học (<i>Theories of Learning</i>)	3	45	0	0	
14.	ENG6007	Giao tiếp giao văn hoá (<i>Cross-Cultural Communication</i>)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
15.	ENG6205	Dụng học (Pragmatics)	3	45	0	0	
16.	ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)	3	45	0	0	
17.	ENG6010	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học (Principles of Phonetics and Phonology)	3	45	0	0	
18.	ENG6011	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ (Technology in Language Teaching)	3	45	0	0	
19.	ENG6015	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)	3	45	0	0	
20.	ENG 6218	Ẩn dụ ý niệm (Conceptual Metaphor)	3	45	0	0	
21.	ENG6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ (Language Policy and Enactment)	3	45	0	0	
22.	ENG6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành (Content and Language Integrated Learning)	3	45	0	0	
23.	ENG6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ (Bilingualism and Bilingual Education)	3	45	0	0	
24.	ENG6013	Hoa Kỳ học (American Studies)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
25.	ENG6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh (<i>Approaches to English Language Teaching Curriculum and Materials Development</i>)	3	45	0	0	
26.	ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật (<i>Translation Studies</i>)	3	45	0	0	
27.	ENG6025	Tiếng Anh toàn cầu (<i>World Englishes</i>)	3	45	0	0	
28.	ENG 6086	Thiết kế và thực hành nghiên cứu (<i>Research Design and Practice</i>)	3	45	0	0	
29.	ENG 6087	Hướng dẫn viết luận văn (<i>Dissertation</i>)	3	45	0	0	
30.	ENG 6088	Tính tự chủ và cá thể hóa trong quá trình học ngoại ngữ (<i>Autonomy and Individualisation in Foreign Language Learning</i>)	3	45	0	0	
31.	ENG 6085	Đa ngôn tính và dạy học tích hợp nội dung-ngôn ngữ (<i>Heteroglossia and CLIL Pedagogy</i>)	3	45	0	0	
32.	PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp (<i>Teacher ethics and professional development</i>)	3	45	0	0	
33.	GLE 6001	Giáo dục cách tân (<i>Innovative education</i>)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
34.	GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	45	0	0	
35.	GLE 6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Designing Your Life</i>)	3	45	0	0	
III	Thực tập sư phạm		6				
28.	PEM 6003	Thực tập sư phạm 1 (<i>Teaching Practice 1</i>)	3	45			
29.	PEM 6004	Thực tập sư phạm 2 (<i>Teaching Practice 2</i>)	3	45			
IV	ENG7303	Đồ án tốt nghiệp (<i>MA Graduation Course/Project</i>)	9				
		Tổng cộng	61				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH
MÃ SỐ: 8220201NC

*(Ban hành theo Quyết định số 1649/QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng, Trường ĐHNN-ĐHQGHN)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh

+ Tiếng Anh: English Linguistics

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 80220201NC

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh

+ Tiếng Anh: English Linguistics

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Anh, Tiếng Việt

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in English Linguistics

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh định hướng nghiên cứu đặt trọng tâm đào tạo vào việc bồi dưỡng kiến thức về phương pháp nghiên cứu, phát triển khả năng nghiên cứu độc lập, tư duy phê phán và hệ thống các kỹ năng nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng. Chương trình đào tạo ra những

nhà chuyên môn có kiến thức lý thuyết nâng cao về ngôn ngữ học tiếng Anh và các khoa học có liên quan, có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hóa Anh và các nước nói tiếng Anh, có hiểu biết rộng về bối cảnh nghiên cứu và các vấn đề có liên quan như yêu cầu về đạo đức nghiên cứu, tính bảo mật thông tin, bản quyền, chủ quyền tác giả, đạo văn... để vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào việc nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Anh; có tính linh hoạt và có năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước và quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, có khả năng xây dựng và phát triển các hướng nghiên cứu mới, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Về kiến thức: Chương trình cung cấp kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ học tiếng Anh (lý thuyết ngữ pháp, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, ngữ âm học, phân tích diễn ngôn, v.v...) và các khoa học có liên quan (ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học đối chiếu, ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ học tâm lý, v.v...), mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Anh (giao tiếp giao văn hóa, tiếng Anh chuyên ngành, đất nước học, v.v...) để học viên tốt nghiệp vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào việc nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Anh. Chương trình còn cung cấp hệ thống các đường hướng, phương pháp, kỹ thuật, thủ thuật, thủ pháp và công cụ nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng.

Về kỹ năng: Chương trình phát triển hệ thống các kỹ năng nghiên cứu cụ thể, bao gồm kỹ năng xác lập mục tiêu, phạm vi nghiên cứu của đề tài, kỹ năng xây dựng phương pháp nghiên cứu, kỹ năng phát triển đề tài, kỹ năng thu thập và phân tích dữ liệu, kỹ năng truy cập thông tin, kỹ năng sử dụng phần mềm hỗ trợ nghiên cứu, kỹ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu và kỹ năng công bố sản phẩm nghiên cứu. Ngoài ra, chương trình còn phát triển các kỹ năng nghiên cứu cụ thể như kỹ năng xác định và giải quyết các vấn đề nghiên cứu, kỹ năng phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu của bản thân và của những nhà nghiên cứu khác, kỹ năng tổng hợp, báo cáo tiến độ và kết quả nghiên cứu một cách độc lập và có tư duy phê phán, kỹ năng quản lý nghiên cứu và quản lý thời gian nghiên cứu một cách có hiệu quả trong việc đặt ra

những mục tiêu nghiên cứu, mốc thời gian cho các hoạt động nghiên cứu cụ thể, cách viết các báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế.

Về nghiên cứu: Học viên tốt nghiệp có các phương pháp nghiên cứu phù hợp để độc lập thực hiện nghiên cứu các vấn đề về ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Anh: Các vấn đề về lý thuyết ngữ pháp tiếng Anh, ngữ nghĩa học tiếng Anh, ngữ dụng học tiếng Anh, ngôn bản tiếng Anh, đối chiếu ngôn ngữ Anh-Việt, giao tiếp giao văn hoá Anh-Việt và các vấn đề chuyên môn khác. Học viên tự định hình hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu xa hơn trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh.

Về phẩm chất chính trị: Chương trình góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Học viên tốt nghiệp chương trình có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về đạo đức nghiên cứu và về vai trò, trách nhiệm của người nghiên cứu đối với sự phát triển chung của xã hội.

MA TRẬN PLO CTĐT TRONG MÔI TƯỞNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 7)
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH (ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)

Chuẩn đầu ra CTĐT	Kiến thức			Kỹ năng						Mức TC&TN			
Nội dung PLO	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
1. Kiến thức													
1.1 Kiến thức chung													
PLO 1: Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiên bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc.	4	4	5	5	4	4	4	4	4	x	x	x	x
PLO 2 Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.	4	4	5	4	5	4	5	5	4	x	x	x	x
PLO 3: Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống	4	4	4	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
1.2 Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành													
PLO 4: Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.	4	5	5	4		4		5	4	x	x	x	x
PLO 5: Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.	4	5	5	4	5	4	5	5	4	x	x	x	
1.3 Kiến thức của ngành / chuyên ngành													

PLO 6: Vận dụng linh hoạt và tương đối trọn vẹn kiến thức thuộc một lĩnh vực khoa học mang tính cốt lõi của chuyên ngành Ngôn ngữ Anh để hình thành nền tảng phát triển hướng nghiên cứu chuyên sâu của mình.	4	5	5		5	4	5	5	4	x	x	x	x
PLO 7: Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
PLO 8: Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.	4	5	4	5		4	4	5	5	x	x	x	x
2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng													
2.1 Kỹ năng chuyên môn													
PLO 9: Vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành Ngôn ngữ Anh và xử lý mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Ngôn ngữ Anh với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
PLO 10: Thành thực các kỹ năng làm việc theo nhóm nghiên cứu chuyên sâu, dẫn dắt các thảo luận, chia sẻ để tiến hành các nghiên cứu tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn, làm hạt nhân trong các nhóm nghiên cứu chuyên sâu.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
PLO 11: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	5	5	4	5	4	5	4	4	4	x	x	x	x
PLO 12: Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên									4	x	x	x	X

cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.													
PLO 13: Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).	5	5	5	5	5	5	5	5	5	x	x	x	x
2.2. Kỹ năng khác													
PLO 14: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
PLO 15: Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	5	5	5	5	5	5	5	5	5	x	x	x	x
3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm													
PLO 16: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
PLO 17: Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
PLO 18: Có tính tự chủ cao khi đưa ra quyết định mang tính chuyên gia trong các nhiệm vụ chuyên môn đòi hỏi trình độ chuyên môn, học thuật cao.	5	5	5	5	5	5	5	5	5	x	x	x	x

PLO 19: Có tinh thần tích cực, chủ động và trách nhiệm cao trong học tập suốt đời, nghiên cứu để phát triển tri thức chuyên ngành, tích lũy kinh nghiệm thông qua việc trải nghiệm các ý tưởng và quá trình mới trong công việc và cuộc sống.	5	5	5	5	5	5	5	5	5	x	x	x	x
4. Về phẩm chất đạo đức													
PLO 20: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội	5	5	5	5	5	5	5	5	5	x	x	x	x

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định và hướng dẫn thi tuyển hàng năm của ĐHQGHN.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Xét tuyển* đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Ngôn ngữ Anh

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Anh

3.2. Chuyên ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh hoặc Sư phạm tiếng Anh.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;
- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.
- *Về kinh nghiệm công tác:* Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính các ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra (programme outcome)

Mã học phần	Học phần	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO8	P O9	PO 10	PO 11	PO 12	PO 11	PO 12	PO 13	P01 4	PO1 5	PO 16	PO 17	PO 18	PO 19	PO 20
PHI5002	Triết học	4						4	4	4						4		4	x	x	x	x	x
ENG6020	Ngôn ngữ học đại cương					4		4	4	4		5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh)	3				4		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn	3		5				4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng	3				4	5	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6202	Lí thuyết ngữ pháp và ứng dụng trong giảng dạy ngoại ngữ							4	4	4	5	5		5		4	5	5	x	x	x	x	x
ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa		5					4	4	4		5		5		4		4	x	x	x	x	x
ENG6010	Ngữ âm và âm vị học trong giảng dạy ngoại ngữ					5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6205	<i>Dụng học</i>					5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh)			4	5			4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6009	<i>Tiếng Anh viết khoa học</i>		5					4	4	4		5		5		4		4	x	x	x	x	x
PSF 6001	<i>Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp</i>			5	4	4		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
GLE 6002	<i>Giáo giục cách tân</i>			4		5	5	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x

ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh)	4		5		4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội					5	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6204	Ngữ pháp chức năng				5	5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6015	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Anh)				4	4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6026	Ngôn ngữ và truyền thông	3		5	4	4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	5	x	x	x	x	x
GLE 6003	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội			5			4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
GLE 6004	Thiết kế cuộc đời		5		5			5	5	5	4	5		5		5	4	4	x	x	x	x	x
STE 6003	Thiết kế và thực hành nghiên cứu			5			4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
STE 6003	Hướng dẫn viết luận văn		5		5			5	5	5	4	5		5		5	4	4	x	x	x	x	x
STE 6015	Ngôn ngữ và giao tiếp liên văn hóa			5			5	5	5	4	5				5	4	4	4	x	x	x	x	x
STE 6016	Tiếng Anh như một ngôn ngữ thế giới	5		5			5	5	5	4	5				5	4	4	4	x	x	x	x	x
		5			5	5	5	4	5				5	4	4	4		x	x	x	x	x	5
STE6018	Những khía cạnh nghiên cứu và ứng dụng của ngôn	5			5	5	5	4	5				5	4	4	4		x	x	x	x	x	5

	ngữ học chức năng hệ thống																						
STE6019	Ân dụ ý niệm	5			5	5	5	4	5				5	4	4	4		x	x	x	x	x	5
ENG7202	Luận văn tốt nghiệp	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	4	5	5	5	x	x	x	x	x
		Kiến thức								Kỹ năng								Tự chủ					

B. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- PLO 1. Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc.
- PLO 2. Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

1.2. Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành

- PLO 3. Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học các nước nói tiếng Anh, giao tiếp liên văn hóa bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.
- PLO 4. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.
- PLO 5. Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp;

Kiến thức cơ sở:

- Ngôn ngữ học đại cương;

- Ngôn ngữ học ứng dụng;
- Ngôn ngữ học xã hội;
- Ngôn ngữ học tâm lý;
- Ngôn ngữ học đối chiếu
- Ngôn ngữ học tri nhận
- Ngôn ngữ học cấu trúc
- Ngôn ngữ học cải biến - tạo sinh
- Ngôn ngữ học chức năng

Ngoài ra, học viên có thêm kiến thức ngoại ngữ học thuật phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Anh.

Kiến thức chuyên ngành:

- Bản chất, chức năng và sự phát triển của ngôn ngữ Anh;
- Ngữ âm tiếng Anh;
- Từ vựng-ngữ nghĩa tiếng Anh;
- Ngữ pháp tiếng Anh;
- Ngữ dụng học tiếng Anh;
- Đối chiếu ngôn ngữ Anh-Việt, v.v...;
- Văn học Anh và các nước nói tiếng Anh;
- Văn hóa các nước nói tiếng Anh;

1.3. Kiến thức của ngành / chuyên ngành

- PLO 6: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, truyền thông, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.

-PLO 7: Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..

- PLO8: Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

1.4. Yêu cầu đối với đồ án

Luận văn thạc sĩ trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh định hướng nghiên cứu là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề liên quan đến Ngôn ngữ học Anh trong việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân như công tác biên dịch, phiên dịch, và công tác biên tập trong các tạp chí khoa học ngôn ngữ,...

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh, ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh hoặc đối chiếu ngôn ngữ được Tiểu ban Ngôn ngữ Anh của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ khả năng vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ Anh tập và phương pháp nghiên cứu được trang bị trong quá trình học để thực hiện đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu của học viên trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu có khối lượng 15 tín chỉ (khoảng 80 trang A4 hoặc 20.000 từ), được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn (*Kỹ năng nghề nghiệp: vận dụng, nghiên cứu, đánh giá phát hiện và giải quyết vấn đề sáng tạo...*)

- PLO 9: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;
- PLO 10: Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.
- PLO 11: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.
- PLO 12: Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.

2.2. Kỹ năng khác

- PLO 13: Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.
- PLO 14: Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).
- PLO 15: Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word,

Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PLO 16: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.

- PLO 17: Vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành Ngôn ngữ Anh và xử lý mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Ngôn ngữ Anh với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao.

4. Về phẩm chất đạo đức

- PLO 18: Có thể độc lập, tự chủ trong việc thực hành nghiên cứu ngôn ngữ Anh, nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị để ứng dụng trong các công việc liên quan như nghiên cứu liên ngành, biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...

PLO. 19: Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

-PLO 20: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

5.1. Những vị trí công tác học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh định hướng nghiên cứu có thể đảm nhận các vị trí công tác có liên quan đến Ngôn ngữ học Anh như chuyên gia biên dịch, phiên dịch tiếng Anh tại các cơ quan ngoại giao

và các cơ quan, đơn vị có sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giao tiếp chính trong và ngoài nước; cán bộ phụ trách công tác báo chí truyền thông tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; phóng viên, biên tập viên báo chí, truyền thông; chuyên gia tư vấn, hỗ trợ cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình về mặt ngôn ngữ; cán bộ giảng dạy ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, đất nước học, quốc tế học và thực hành tiếng tại các cơ sở đào tạo tiếng Anh và ngôn ngữ khác; cán bộ đối ngoại, văn phòng tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản văn hóa, chính trị; các nhà quản lý tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện,...

5.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh định hướng nghiên cứu có khả năng bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn và đảm nhận các nhiệm vụ đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp cao trong các nghiệp vụ có liên quan đến Ngôn ngữ học Anh như biên dịch tiếng Anh, phiên dịch tiếng Anh, thiết kế ứng dụng biên/phiên dịch, biên tập viên trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ và các cơ quan truyền thông đại chúng...

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh định hướng nghiên cứu, học viên có khả năng tự học tập, tự xác định được những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung, trau dồi, sử dụng thành thục các thao tác để truy cập thông tin, có khả năng tự kết nối với các thành viên khác trong cộng đồng để tự nâng cao trình độ sau tốt nghiệp.

7. Tài liệu tham khảo để xây dựng CTĐT

1. Taught courses in Modern Languages, School of Humanities – the University of Southampton, the UK

http://www.southampton.ac.uk/humanities/postgraduate/taught_courses/taught_courses/our_courses/modern_languages.page

2. The Master of Applied Linguistics, the University of Melbourne, Australia

<http://coursesearch.unimelb.edu.au/grad/795-master-of-applied-linguistics>

3. The MA in English Language and Literary Studies, the University of Lancaster, the UK

<http://www.lancaster.ac.uk/study/postgraduate/postgraduate-courses/english-language-and-literary-studies-ma>

4. Applied Linguistics, MA (Online and On-Campus), the University of Massachusetts Boston, the US

<https://www.umb.edu/academics/cla/appling/grad/online>

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: **61 tín chỉ** trong đó bao gồm:

- Khối kiến thức chung bắt buộc: **04 tín chỉ**
- Khối kiến thức theo nhóm ngành/chuyên ngành: **27 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc*: **12 tín chỉ**
 - + *Lựa chọn*: **06 tín chỉ**
- Khối kiến thức ngành/chuyên ngành: **09 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc*: **6 tín chỉ**
 - + *Lựa chọn*: **3 tín chỉ**
- Nghiên cứu khoa học: **30 tín chỉ**
 - + *Chuyên đề nghiên cứu*: **15 tín chỉ**
 - + *Luận văn*: **15 tín chỉ**

2. Khung chương trình

TT	Mã số học phần	Tên học phần (Tiếng Việt, tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	4				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II		Khối kiến thức cơ sở & chuyên ngành	27				
II.1		Các học phần bắt buộc: 06 học phần	18				
2.	ENG6020	Những vấn đề ngôn ngữ học đại cương và ứng dụng (<i>Issues in General Linguistics and Their Practical Applications</i>)	3	45	0	0	PHI5002
3.	ENG6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh) (<i>Applied Linguistics (English)</i>)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần (Tiếng Việt, tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
4.	ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (<i>Approaches in Discourse Analysis</i>)	3	45	0	0	
5.	ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng (<i>Research Methods in Applied Linguistics</i>)	3	45	0	0	
6.	ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (<i>Semantics (English)</i>)	3	45	0	0	
7.	ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (<i>Language, Culture and Society</i>)	3	45	0	0	
II.2	Các học phần tự chọn: 03 học phần		9				
8.	ENG6202	Lí thuyết ngữ pháp và ứng dụng trong giảng dạy ngoại ngữ (<i>Theories of grammar and applications in language teaching</i>)	3	45	0	0	
9.	ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa (<i>Intercultural Communication</i>)	3	45	0	0	
10.	ENG6010	Ngữ âm và âm vị học trong giảng dạy ngoại ngữ (<i>Phonetics and Phonology in Language Teaching</i>)	3	45	0	0	
11.	ENG6205	Dụng học (<i>Pragmatics</i>)	3	45	0	0	
12.	ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh) (<i>Translation Studies (English)</i>)	3	45	0	0	
13.	ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học (<i>Academic English Writing</i>)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần (Tiếng Việt, tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
14.	ENG6204	Ngữ pháp chức năng (<i>Functional Grammar</i>)	3	45	0	0	
15.	ENG6015	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Anh) (<i>Contrastive Linguistics (English)</i>)	3	45	0	0	
16.	ENG6026	Ngôn ngữ và truyền thông (<i>Language and the Media</i>)	3	45	0	0	
17.	GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	45	0	0	
18.	GLE 6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Design your Lefe</i>)	3	45	0	0	
19.	PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp (<i>Teacher ethics and professional development</i>)	3	45	0	0	
20.	GLE 6001	Giáo giục cách tân (<i>innovative education</i>)	3	45	0	0	
III	Nghiên cứu khoa học (5 chuyên đề)		15				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu (5 chuyên đề)		15				
21.	STE 6001	Thiết kế và thực hành nghiên cứu (<i>Research Design and Practice</i>)	3	45	0	0	
22.	STE 6003	Hướng dẫn viết luận văn (<i>Dissertation</i>)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần (Tiếng Việt, tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
23.	STE 6004	Tính tự chủ và cá thể hóa trong quá trình học ngoại ngữ <i>(Autonomy and Individualisation in Foreign Language Learning)</i>	3	45	0	0	
24.	STE 6015	Giao tiếp liên văn hóa một cách tiếp cận khác <i>(Intercultural communication: an alternative view)</i>	3	45	0	0	
25.	STE 6020	Đa ngôn tính và dạy học tích hợp nội dung-ngôn ngữ <i>(Heteroglossia and CLIL Pedagogy)</i>	3	45	0	0	
26.	STE 6016	Tiếng Anh như một ngôn ngữ thế giới <i>(English as a World Language)</i>	3	45	0	0	
27.	STE 6006	Dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh trong bối cảnh giáo dục toàn cầu <i>(English as Medium of Instruction in Global Education)</i>	3	45	0	0	
28.	STE 6018	Những khía cạnh nghiên cứu và ứng dụng của ngôn ngữ học chức năng hệ thống <i>(Systemic Functional Linguistics: Theories and Practices)</i>	3	45	0	0	
29.	STE 6019	Ẩn dụ ý niệm <i>(Conceptual Metaphor)</i>	3	45	0	0	
III.2	ENG7202	Luận văn thạc sĩ	15				
		Tổng cộng	61				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG

CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

MÃ SỐ: 8220201UD

*(Ban hành theo Quyết định số 1649 /QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường ĐHNN-ĐHQGHN)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh
- + Tiếng Anh: English Linguistics

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8220201UD

- Tên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh
- + Tiếng Anh: English Linguistics

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Anh

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

- + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in English Linguistics

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh định hướng ứng dụng đặt trọng tâm đào tạo vào việc tạo ra những nhà chuyên môn có kiến thức lý thuyết nâng cao về ngôn ngữ học tiếng Anh và các khoa học có liên quan, có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá Anh và các nước nói tiếng Anh để vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào các công việc thực tiễn có liên quan đến Ngôn ngữ học Anh trong các phạm vi và điều kiện công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học-kỹ thuật, kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng của đất nước; có các năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng bổ trợ (kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm); có hiểu biết về môi trường địa phương trong nước và quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Về kiến thức: Chương trình cung cấp kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ học tiếng Anh (lý thuyết ngữ pháp, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, ngữ âm học, phân tích diễn ngôn, v.v...) và các khoa học có liên quan (ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học đối chiếu, ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ học tâm lý, v.v...); mở

rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Anh (giao tiếp giao văn hóa, giao tiếp liên văn hóa, giao tiếp xuyên văn hóa, tiếng Anh chuyên ngành, đất nước học, v.v...) để học viên tốt nghiệp vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào các công việc thực tiễn trong các phạm vi và điều kiện công tác cụ thể có liên quan đến Ngôn ngữ học Anh như cán bộ đối ngoại, cán bộ quản lý, phụ trách, cán bộ giảng dạy, biên dịch viên, phiên dịch viên, chuyên viên tư vấn, phóng viên, biên tập viên, ..., trong các cơ quan ban ngành từ trung ương đến địa phương, trong các ngành khoa học, trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ, các nhà xuất bản ngôn ngữ, văn hóa, chính trị, trong ngành báo chí truyền thông, các công ty tổ chức sự kiện, các nhà sản xuất phim ảnh, các cơ sở đào tạo tiếng Anh và Quốc tế học, ...

Về kỹ năng: Chương trình đào tạo các kỹ năng cơ bản trong việc ứng dụng kiến thức và phương pháp nghiên cứu về ngôn ngữ học Anh trong các công việc cụ thể như kỹ năng xác định và giải quyết các vấn đề, kỹ năng xử lý thông tin có liên quan đến vị trí công việc đang đảm nhận, kỹ năng biên, phiên dịch, kỹ năng biên tập trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ, kỹ năng thiết kế hệ thống nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin thông qua việc sử dụng các thiết bị và nguồn cung cấp thông tin phù hợp, kỹ năng lập thư mục và danh mục tài liệu tham khảo, tài liệu lưu trữ, và các nguồn cung cấp thông tin khác, cách viết các báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế.

Về nghiên cứu: Học viên tốt nghiệp biết vận dụng kiến thức về các đường hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu phù hợp để bước đầu độc lập thực hiện nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên môn thuộc nghiệp vụ của bản thân như biên dịch, phiên dịch, biên tập, tư vấn, quản lý, giảng dạy, tổ chức; có năng lực nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ Anh-Việt, nghiên cứu sự phát triển tiếng Anh, nghiên cứu ngôn ngữ học tiếng Anh để ứng dụng trong biên/phiên dịch và các ứng dụng khác tại Việt Nam.

Về phẩm chất chính trị: Chương trình cũng góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

MA TRẬN PLO CTĐT TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 7)
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

Chuẩn đầu ra CTĐT	Kiến thức			Kỹ năng						Mức TC&TN			
Nội dung chuẩn đầu ra	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
3. Kiến thức													
1.1 Kiến thức chung													
PLO 1: Vận dụng sáng tạo các nguyên lý, học thuyết trên nền tảng triết học, chủ nghĩa Mác–Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và áp dụng vào việc quản lý, quản trị, giải quyết các vấn đề của nhóm chuyên ngành và chuyên ngành nghiên cứu; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh.	4	4	4	4	4	4	4	4	4	x	x	x	x
PLO 2: Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc	4	4	5	4	5	4	5	5	4	x	x	x	x
PLO 3: Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống	4	4	4	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
1.2 Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành													
PLO 4: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, truyền thông, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai	4	5	5	4	5	4	5	5	4	x	x	x	x

PLO 5: <i>Vận dụng sáng tạo</i> các khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành về ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học Anh, ngôn ngữ học đối chiếu, ngoại ngữ học thuật, phương pháp dạy học ngoại ngữ và các hiểu biết chuyên sâu về các vấn đề văn hóa, giao văn hóa và liên văn hóa.	4	5	5	4	5	4	5	5	4	x	x	x	x
1.4 Kiến thức của ngành / chuyên ngành													x
PLO 6: <i>Vận dụng linh hoạt và tương đối trọn vẹn</i> kiến thức thuộc một lĩnh vực khoa học mang tính cốt lõi của chuyên ngành Ngôn ngữ Anh để hình thành nền tảng phát triển hướng nghiên cứu chuyên sâu của mình.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
PLO 7: Có khả năng <i>vận dụng nhuần nhuyễn</i> các phương pháp nghiên cứu để định hướng việc giải quyết các vấn đề chung về lý thuyết ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ Anh nói riêng, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên sâu, có khả năng cho ra đời những sản phẩm khoa học có chất lượng, có giá trị lý luận và thực tiễn cao	4	5	5	4	5	4	5	5	4	x	x	x	x
PLO 8: Có kỹ năng <i>xác định chính xác</i> phạm vi đề tài nghiên cứu, làm chủ các công cụ nghiên cứu, kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu, kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu và kỹ năng công bố sản phẩm nghiên cứu.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng													
2.1 Kỹ năng chuyên môn													
PLO 9: Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
PLO 10: Vận dụng chính xác và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x

PLO 11: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
PLO 12: Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.	4	4	4	4	4	4	4	4	4	x	x	x	x
PLO 13: Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
2.2. Kỹ năng khác													
PLO 14: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
PLO 15: Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm													
PLO 16: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x

PLO 17: Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
PLO 18: Có thể độc lập, tự chủ trong việc thực hành nghiên cứu ngôn ngữ Anh, nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị để ứng dụng trong các công việc liên quan như nghiên cứu liên ngành, biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...	4	4	5	4	4	5	4	5	5	x	x	x	x
PLO 19: Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.	5	5	5	5	5	5	5	5	5	x	x	x	x
4. Về phẩm chất đạo đức													
PLO 20: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội	5	5	5	5	5	5	5	5	5	x	x	x	x

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định của ĐHQGHN và thi tuyển hàng năm.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Xét tuyển* đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Ngôn ngữ Anh

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Anh

3.2. Chuyên ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh hoặc Sư phạm tiếng Anh.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- *Về kinh nghiệm công tác:* Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 02 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính các ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra (programme outcome)

Mã học phần	Học phần	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	P 08	PO9	PO 10	PO 11	PO 12	PO 11	PO 12	PO 13	P14	PO1 5	PO 16	PO 17	PO 18	PO 19	PO 20
PHI5002	Triết học	5						4	4	4						4		4	x	x	x	x	x
ENG6020	Ngôn ngữ học đại cương					4		4	4	4		5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh)	3				4		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa	3		5				4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn	3				4	5	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong NNH ứng dụng							4	4	4	5	5		5		4	5	5	x	x	x	x	x
ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học		5					4	4	4		5		5		4		4	x	x	x	x	x
ENG6010	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học					5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6205	Dụng học					5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh)			4	5			4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6017	Tiếng Anh chuyên ngành		5					4	4	4		5		5		4		4	x	x	x	x	x
ENG6019	Lược sử ngôn ngữ Anh			5	4	4		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6204	Ngữ pháp chức năng			4		5	5	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội	4		5		4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh)					5	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6202	Lí thuyết ngữ pháp và ứng dụng trong GDNN				5	5		4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6015	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Anh)				4	4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6026	Ngôn ngữ và truyền thông	3		5	4	4	4	4	4	4	4	5		5		4	4	5	x	x	x	x	x
ENG6032	Ngôn ngữ văn học			5			4	4	4	4	4	5		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG6206	Chiến lược giao tiếp		5		5			5	5	5	4	5		5		5	4	4	x	x	x	x	x
GLE 6001	Giáo dục cách tân																		x	x	x	x	x

GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội																			X	X	X	X	X
GLE 6003	Thiết kế cuộc đời																			X	X	X	X	X
PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp																			X	X	X	X	X
TTE6001	Thực tập 1	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5		5	5	5		X	X	X	X	X
TTE6002	Thực tập 2	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5		5	5	5		X	X	X	X	X
ENG7301	HP tốt nghiệp / Đồ án tốt nghiệp	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	4	5	5	5	5	X	X	X	X	X
		Kiến thức									Kỹ năng									Tự chủ				

B. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- PLO 1. Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên việc nắm vững các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc.

- PLO 2. Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

1.2. Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành

- PLO 3. Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học các nước nói tiếng Anh, giao tiếp liên văn hóa bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.

- PLO 4. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.

- PLO 5. Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp;

Kiến thức cơ sở:

- Ngôn ngữ học đại cương;
- Ngôn ngữ học ứng dụng;
- Ngôn ngữ học xã hội;
- Ngôn ngữ học tâm lý;
- Ngôn ngữ học đối chiếu
- Ngôn ngữ học tri nhận
- Ngôn ngữ học cấu trúc
- Ngôn ngữ học cải biến - tạo sinh
- Ngôn ngữ học chức năng

Ngoài ra, học viên có thêm kiến thức ngoại ngữ học thuật phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Anh.

Kiến thức chuyên ngành:

- Bản chất, chức năng và sự phát triển của ngôn ngữ Anh;
- Ngữ âm tiếng Anh;
- Từ vựng-ngữ nghĩa tiếng Anh;
- Ngữ pháp tiếng Anh;
- Ngữ dụng học tiếng Anh;
- Đối chiếu ngôn ngữ Anh-Việt, v.v...;
- Văn học Anh và các nước nói tiếng Anh;

- Văn hóa các nước nói tiếng Anh;

1.3. Kiến thức của ngành / chuyên ngành

- PLO 6: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, truyền thông, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.

- PLO 7: Truyền đạt và tiếp thu kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..

- PLO 8: Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

1.4. Yêu cầu đối với đồ án

Luận văn thạc sĩ trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh định hướng ứng dụng là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề liên quan đến Ngôn ngữ học Anh trong việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân như công tác biên dịch, phiên dịch, và công tác biên tập trong các tạp chí khoa học ngôn ngữ,...

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh, ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh hoặc đối chiếu ngôn ngữ được Tiểu ban Ngôn ngữ Anh của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ khả năng vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ Anh tập và phương pháp nghiên cứu được trang bị trong quá trình học để thực hiện đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu của học viên trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng thực hành có khối lượng 9 tín chỉ (khoảng 50 trang A4 hoặc 12.500 từ), được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn (Kỹ năng nghề nghiệp: vận dụng, nghiên cứu, đánh giá phát hiện và giải quyết vấn đề sáng tạo...)

- PLO 9: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

- PLO 10: Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.

- PLO 11: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.

- PLO 12: Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.

- PLO 13: Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).

2.2. Kỹ năng khác

- PLO 14: Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.

- PLO 15: Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PLO 16: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.

- PLO 17: Vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành Ngôn ngữ Anh và xử lý mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Ngôn ngữ Anh với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao.

- PLO 18: Có thể độc lập, tự chủ trong việc thực hành nghiên cứu ngôn ngữ Anh, nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị để ứng dụng trong các công việc liên quan như nghiên cứu liên ngành, biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...

PLO. 19: Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

4. Về phẩm chất đạo đức

- PLO 20: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

5.1. Những vị trí công tác học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh định hướng ứng dụng có thể đảm nhận các vị trí công tác có liên quan đến Ngôn ngữ học Anh như chuyên gia biên dịch, phiên dịch tiếng Anh tại các cơ quan ngoại giao và

các cơ quan, đơn vị có sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giao tiếp chính trong và ngoài nước; cán bộ phụ trách công tác báo chí truyền thông tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; phóng viên, biên tập viên báo chí, truyền thông; chuyên gia tư vấn, hỗ trợ cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình về mặt ngôn ngữ; cán bộ giảng dạy ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, đất nước học, quốc tế học và thực hành tiếng tại các cơ sở đào tạo tiếng Anh và ngôn ngữ khác; cán bộ đối ngoại, văn phòng tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản văn hóa, chính trị; các nhà quản lý tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện...

5.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh định hướng ứng dụng có khả năng bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn và đảm nhận các nhiệm vụ đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp cao trong các nghiệp vụ có liên quan đến Ngôn ngữ học Anh như biên dịch tiếng Anh, phiên dịch tiếng Anh, thiết kế ứng dụng biên/phiên dịch, biên tập viên trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ và các cơ quan truyền thông đại chúng, ...

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh định hướng ứng dụng, học viên có khả năng tự học tập, tự xác định được những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung, trau dồi, sử dụng thành thực các thao tác để truy cập thông tin, có khả năng tự kết nối với các thành viên khác trong cộng đồng để tự nâng cao trình độ sau tốt nghiệp.

7. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo

1. Taught courses in Modern Languages, School of Humanities – the University of Southampton, the UK

http://www.southampton.ac.uk/humanities/postgraduate/taught_courses/taught_courses/our_courses/modern_languages.page

2. The Master of Applied Linguistics, the University of Melbourne, Australia

<http://coursesearch.unimelb.edu.au/grad/795-master-of-applied-linguistics>

3. The MA in English Language and Literary Studies, the University of Lancaster, the UK

<http://www.lancaster.ac.uk/study/postgraduate/postgraduate-courses/english-language-and-literary-studies-ma>

4. Applied Linguistics, MA (Online and On-Campus), the University of Massachusetts Boston, the US

<https://www.umb.edu/academics/cla/appling/grad/online>

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	61 tín chỉ
- Khối kiến thức chung (bắt buộc):	04 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở & chuyên ngành:	42 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i> :	<i>24 tín chỉ</i>
+ <i>Lựa chọn</i> :	<i>18 tín chỉ</i>
+ <i>Thực tập</i> :	<i>6 tín chỉ</i>
- Đồ án tốt nghiệp:	09 tín chỉ

2. Khung chương trình

TT	Mã số học phần	Tên học phần (Tiếng Việt, tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	04				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II		Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	42				
II.1		Các học phần bắt buộc: 08 học phần	24				
2.	ENG6020	Những vấn đề ngôn ngữ học đại cương và ứng dụng (<i>Issues in General Linguistics and Their Practical Applications</i>)	3	45	0	0	PHI5002
3.	ENG6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh) (<i>Applied Linguistics (English)</i>)	3	45	0	0	
4.	ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa (<i>Intercultural Communication</i>)	3	45	0	0	
5.	ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (<i>Approaches in Discourse Analysis</i>)	3	45	0	0	
6.	ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng (<i>Research Methods in Applied Linguistics</i>)	3	45	0	0	
7.	ENG6204	Ngữ pháp chức năng (<i>Functional Grammar</i>)	3	45	0	0	
8.	ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (<i>Language, Culture and Society</i>)	3	45	0	0	
9.	ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (<i>Semantics (English)</i>)	3	45	0	0	
II.2		Các học phần học phần tự chọn: 6 (học phần)	18				

TT	Mã số học phần	Tên học phần (Tiếng Việt, tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
10.	ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học (<i>Academic English Writing</i>)	3	45	0	0	
11.	ENG6010	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học (<i>Principles of Phonetics and Phonology</i>)	3	45	0	0	
12.	ENG6205	Dụng học (<i>Pragmatics</i>)	3	45	0	0	
13.	ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh) (<i>Translation Studies (English)</i>)	3	45	0	0	
14.	ENG6017	Tiếng Anh chuyên ngành (<i>English for Specific Purposes</i>)	3	45	0	0	
15.	ENG 6019	Lược sử ngôn ngữ Anh (<i>An Introduction to the History of the English Language</i>)	3	45	0	0	
16.	PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp (<i>Teacher ethics and professional development</i>)	3	45	0	0	
17.	GLE 6001	Giáo dục cách tân (<i>innovative education</i>)	3	45	0	0	
18.	ENG6202	Lí thuyết ngữ pháp và ứng dụng trong giảng dạy ngoại ngữ (<i>Theories of grammar and applications in language teaching</i>)	3	45	0	0	
19.	ENG6015	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Anh) (<i>Contrastive Linguistics (English)</i>)	3	45	0	0	
20.	ENG6026	Ngôn ngữ và truyền thông (<i>Language and the Media</i>)	3	45	0	0	
21.	ENG 6032	Ngôn ngữ văn học (<i>Language of Literature</i>)	3	45	0	0	
22.	ENG 6206	Chiến lược giao tiếp (<i>Communication Strategies</i>)	3	45	0	0	
23.	ENG6007	Giao tiếp giao văn hoá (<i>Cross-Cultural Communication</i>)	3	45	0	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần (Tiếng Việt, tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
24.	ENG 6085	Đa ngôn tính và dạy học tích hợp nội dung-ngôn ngữ (<i>Heteroglossia and CLIL Pedagogy</i>)	3	45	0	0	
25.	ENG 6086	Thiết kế và thực hành nghiên cứu (<i>Research Design and Practice</i>)	3	45	0	0	
26.	ENG 6087	Hướng dẫn viết luận văn (<i>Dissertation</i>)	3	45	0	0	
27.	ENG 6088	Tính tự chủ và cá thể hóa trong quá trình học ngoại ngữ (<i>Autonomy and Individualisation in Foreign Language Learning</i>)	3	45	0	0	
28.	GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	45	0	0	
29.	GLE 6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Design Your Life</i>)	3	45	0	0	
III	Thực tập		6				
30.	PEL 6001	Kiến tập ngôn ngữ (<i>Practicum of English Linguistics</i>)	3				
31.	PEL 6002	Thực tập ngôn ngữ (<i>Practicum of English Linguistics</i>)	3				
IV	ENG7201	Học phần tốt nghiệp/Đồ án tốt nghiệp (<i>MA Graduation Course/Project</i>)	09				
		Tổng cộng	61				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ : THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG (TIẾNG ANH)

MÃ SỐ: 8220214.01QTDUD

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- **Tên chuyên ngành đào tạo:**

+ Tên tiếng Việt: Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh)

+ Tên tiếng Anh: Applied Linguistics (English)

- **Mã số chuyên ngành đào tạo:** 8220214.01QTDUD (ngành đào tạo thí điểm)

- **Tên chuyên ngành đào tạo:** Ngôn ngữ học ứng dụng (Tiếng Anh)

- Tên tiếng Anh: Applied Linguistics

- **Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ

- **Thời gian đào tạo:** 2 năm

- **Tên văn bằng sau tốt nghiệp:**

+ Tên tiếng Việt: Thạc sĩ ngôn ngữ học ứng dụng

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Master in Applied Linguistics

- **Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung

M1. Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh (NNHUDTA) theo định hướng ứng dụng đặt trọng tâm đào tạo những nhà chuyên môn về Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh có khả năng vận dụng tri thức về Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh một cách chủ động, sáng tạo vào các lĩnh vực cụ thể. Ngoài ra, chương trình đặt mục tiêu đào tạo ra những nhà chuyên môn có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá Anh và các nước nói tiếng Anh (trong mối tương quan với văn hóa chung của nhân loại); có hiểu biết về môi trường địa phương trong nước và quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có thể tiếp tục

tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

M2. Sau khi tốt nghiệp chương trình, thạc sỹ chương trình Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh định hướng ứng dụng có thể tiếp tục tự học, trau dồi những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành giáo viên giỏi ở các bậc học, đặc biệt thích hợp với các giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh nói riêng và ngành ngôn ngữ nói chung, những người năng động, sáng tạo trong thực hành nghề nghiệp và có thể tạo ảnh hưởng trong cộng đồng thực hành nghề nghiệp thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

M3. Chương trình cung cấp kiến thức đại cương về các khoa học ngôn ngữ và các khoa học khác, mở rộng và cập nhật kiến thức mới nhất về ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh để học viên tốt nghiệp vận dụng vào thực tiễn trong nhiều lĩnh vực;

M4. Chương trình cung cấp kiến thức chuyên ngành giúp người học phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn áp dụng vào các lĩnh vực của đời sống xã hội ;

M5. Chương trình có thể đáp ứng nhu cầu phổ cập và nâng cao trình độ tiếng Anh cho đội ngũ cán bộ, các tầng lớp nhân dân và người lao động trong cả nước.

Về kỹ năng:

M6. Chương trình cung cấp các kỹ năng thực hành về ngôn ngữ học ứng dụng. Ngoài ra, chương trình còn phát triển các kỹ năng tiếng Anh.

M7. Trang bị kỹ năng mềm nhằm phát triển các năng lực cá nhân phù hợp với môi trường công việc, sáng tạo và năng động;

Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:

M8. Trang bị năng lực tự chủ trong phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề ngôn ngữ, phù hợp với yêu cầu thực tiễn hoạt động của các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp theo hướng tiếp cận với tri thức hiện đại của khu vực và thế giới.

M9. Trang bị năng lực tự học và tự đổi mới suốt đời cho học viên;

Về phẩm chất chính trị:

M10. Chương trình cũng góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh:

+ Xét tuyển với các điều kiện theo quy định của ĐHQGHN 3

+ Thi tuyển với các môn thi sau đây:

Môn thi Cơ bản: Ngôn ngữ Anh

Môn thi Cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Anh

3.2. Đối tượng tuyển sinh:

- Thí sinh đã có bằng Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh hoặc Sư phạm tiếng Anh hoặc các ngành phù hợp được ĐHQGHN cho phép;
- Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

4.1. Những vị trí công tác học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh định hướng ứng dụng có thể đảm nhận các vị trí công tác có liên quan đến Ngôn ngữ học ứng dụng như giáo viên các trường phổ thông, chuyên gia ngôn ngữ trong các trung tâm ngôn ngữ, chuyên gia biên dịch, phiên dịch tiếng Anh tại các cơ quan ngoại giao và các cơ quan, đơn vị có sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giao tiếp chính trong và ngoài nước; cán bộ phụ trách công tác báo chí truyền thông tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; phóng viên, biên tập viên báo chí, truyền thông; chuyên gia tư vấn, hỗ trợ cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình về mặt ngôn ngữ; cán bộ giảng dạy ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, đất nước học, quốc tế học và thực hành tiếng tại các cơ sở đào tạo tiếng Anh và ngôn ngữ khác; cán bộ đối ngoại, văn phòng tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; biên tập viên cho các tạp

chí, báo, nhà xuất bản văn hóa, chính trị; các nhà quản lý tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện.

4.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh theo định hướng ứng dụng có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn và đảm nhận các nhiệm vụ đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp cao. Họ có thể làm trong các nghiệp vụ có liên quan đến Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh có tính ứng dụng cao như giảng dạy tiếng Anh, biên phiên dịch, thiết kế ứng dụng biên/phiên dịch, biên tập viên trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ và các cơ quan truyền thông đại chúng. Họ là những người có thể bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn, cũng như xây dựng được năng lực tự học để tự phát triển bản thân và cũng có thể tiếp tục học lên các bậc học cao hơn.

5. Yêu cầu đối với người học

5.1. Yêu cầu đối với luận văn

Luận văn thạc sĩ trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ học ứng dụng là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề liên quan đến Ngôn ngữ học trong việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân như công tác biên dịch, phiên dịch, và công tác biên tập trong các tạp chí khoa học ngôn ngữ, công tác giảng dạy và nghiên cứu.

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực Ngôn ngữ học được Tiểu ban Ngôn ngữ học của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ khả năng vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ học và phương pháp nghiên cứu được trang bị trong quá trình học để thực hiện đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu của học viên trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ học ứng dụng định hướng ứng dụng được viết bằng tiếng Anh có khối lượng 9 tín chỉ (khoảng 50 trang A4 hoặc 12.500 từ) được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

5.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh), học viên có khả năng tự học tập, tự xác định được những kiến

thức và kỹ năng cần bổ sung, trau dồi, sử dụng thành thục các thao tác để truy cập thông tin, có khả năng tự kết nối với các thành viên khác trong cộng đồng để tự nâng cao trình độ sau tốt nghiệp. Sau tốt nghiệp, học viên cũng có thể học tiếp lên trình độ Tiến sĩ.

6. Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp

TT	Ngành đào tạo thạc sĩ	Tên văn bằng thạc sĩ sau khi tốt nghiệp	Ngành phù hợp ở bậc Cử nhân đủ điều kiện xét tuyển thẳng
1	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh
2	Sư phạm Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Người tốt nghiệp chương trình đào tạo này sẽ đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu (về kiến thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ và trách nhiệm) phù hợp với các quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học”, cụ thể như sau:

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức thực tế

C1. Vận dụng được kiến thức nền tảng chung về triết học, kiến thức chung về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, nhân sinh quan chân chính tiên bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước;

C2. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống

1.2. Kiến thức lý thuyết

C3. Áp dụng kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;

C4. Phân tích và tổng hợp các kiến thức cơ bản về văn học – văn hóa, giao tiếp liên-giao văn hóa trong giao tiếp, và nghiên cứu ngoại ngữ;

C5. Quản trị và quản lý các hoạt động học thuật trong quá trình vận dụng ngôn ngữ tiếng Anh học thuật.

C6. Xây dựng hệ thống kiến thức chuyên ngành tích hợp với các kiến thức nền tảng làm tiền đề cho việc phát triển các kỹ năng chuyển đổi giữa các ngành nghề liên quan, phù hợp.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng nhận thức và giao tiếp ứng xử:

C7. Giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác để làm việc hiệu quả và thích nghi với sự thay đổi liên tục của các hoạt động xã hội;

C8. Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (hợp tác, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng công nghệ thông tin, quản lý công việc và thời gian, lãnh đạo và quản lý sự thay đổi, sáng tạo và đổi mới), trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội trong giảng dạy, học tập và cuộc sống;

2.2. Kỹ năng thực hành nghề nghiệp:

C9. Sử dụng tốt tiếng Anh xã hội và tiếng Anh học thuật ở trình độ tối thiểu tương đương bậc 5 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

C10. Vận dụng được các lý thuyết cơ bản về Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh trong sử dụng và nghiên cứu Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh;

C11. Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh và mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh với hiệu quả và tiến độ cao;

C12. Ứng dụng kiến thức nâng cao và chuyên sâu về ngôn ngữ và Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh trong đó bao gồm kiến thức ngôn ngữ Anh, giảng dạy, biên phiên dịch, ...

C13. Hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

C14. Xây dựng phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng chuyên sâu trong việc phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề ngôn ngữ, phù hợp với yêu cầu thực tiễn hoạt động của các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp theo hướng tiếp cận với tri thức hiện đại của khu vực và thế giới;

C15. Quản trị và quản lý các nghiên cứu chuyên sâu nhằm cải tiến thực trạng sử dụng Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh trong thực tiễn.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

C16: Dẫn dắt chuyên môn và đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ;

C17: Xây dựng, đánh giá kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong hoạt động chuyên môn;

C18: Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu.

4. Về phẩm chất đạo đức

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

C19. Rèn luyện tính trung thực, tự tin, sẵn sàng đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định về đạo đức; can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi.

4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

C20. Cam kết và trách nhiệm trong việc đóng góp cho chuyên ngành học và nghề nghiệp với tư cách là một nhà giáo dục ngoại ngữ;

C21. Vận dụng linh hoạt và phù hợp quy tắc ứng xử của một nhà giáo trong mối quan hệ với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh và những cá nhân liên quan trong môi trường giáo dục;

C22. Xây dựng tính chuyên nghiệp cao: tuân thủ các quy định của nghề nghiệp, không ngừng chiêm nghiệm để cải tiến, nâng cao hiệu quả công việc.

4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

C23. Xác định được trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của một công dân; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

5. Ma trận đối sánh mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra chương trình Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh định hướng ứng dụng

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo									
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8	M9	M10
C1	x	x	x	x	x				x	x
C2	x	x	x	x		x		x	x	x
C3		x	x	x	x	x	x			x
C4		x	x		x	x	x			x
C5	x	x		x		x		x		x
C6	x	x			x	x		x	x	x
C7		x		x	x	x		x	x	x
C8	x	x	x			x	x			x
C9	x			x	x			x	x	x
C10		x	x		x	x	x			x
C11			x		x	x		x	x	x
C12	x	x		x	x		x	x		x

C13			X	X	X		X	X	X	X
C14	X	X	X		X		X	X		X
C15	X			X	X	X			X	X
C16			X	X	X		X	X	X	X
C17			X	X	X	X		X	X	X
C18	X	X		X	X		X	X		X
C19	X	X	X		X	X	X			X
C20	X	X		X		X		X		X
C21				X	X	X	X			X
C22				X	X		X	X	X	X
C23	X	X								X

PHẦN III. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin tuyển sinh

1.1. Hình thức tuyển sinh:

+ Xét tuyển với các điều kiện theo quy định của ĐHQGHN

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã có bằng Cử nhân Ngôn ngữ Anh hoặc Sư phạm tiếng Anh hoặc các ngành phù hợp được ĐHQGHN cho phép

1.2 Quy mô tuyển sinh

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 50 HV/năm

2. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

2.1. Những vị trí công tác học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh định hướng ứng dụng có thể đảm nhận các vị trí công tác có liên quan đến Ngôn ngữ học ứng dụng như giáo viên các trường phổ thông, chuyên gia ngôn ngữ trong các trung tâm ngôn ngữ, chuyên gia biên dịch, phiên dịch tiếng Anh tại các cơ quan ngoại giao và các cơ quan, đơn vị có sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giao tiếp chính trong và ngoài nước; cán bộ phụ trách công tác báo chí truyền thông tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; phóng viên, biên tập viên báo chí, truyền thông; chuyên gia tư vấn, hỗ trợ cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình về mặt ngôn ngữ; cán bộ giảng dạy ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, đất nước học, quốc tế học và thực hành tiếng tại các cơ sở đào tạo tiếng Anh và ngôn ngữ khác; cán bộ đối ngoại, văn phòng tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản văn hóa, chính trị; các nhà quản lý tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện.

2.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh theo định hướng ứng dụng có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn và đảm nhận các nhiệm vụ đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp

cao. Họ có thể làm trong các nghiệp vụ có liên quan đến Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh có tính ứng dụng cao như giảng dạy tiếng Anh, biên phiên dịch, thiết kế ứng dụng biên/phiên dịch, biên tập viên trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ và các cơ quan truyền thông đại chúng. Họ là những người có thể bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn, cũng như xây dựng được năng lực tự học để tự phát triển bản thân và cũng có thể tiếp tục học lên các bậc học cao hơn.

3. Yêu cầu đối với người học

3.1. Yêu cầu đối với luận văn

Luận văn thạc sĩ trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ học ứng dụng định hướng ứng dụng là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề liên quan đến Ngôn ngữ học trong việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân như công tác biên dịch, phiên dịch, và công tác biên tập trong các tạp chí khoa học ngôn ngữ, công tác giảng dạy và nghiên cứu.

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực Ngôn ngữ học được Tiểu ban Ngôn ngữ học của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ khả năng vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ học và phương pháp nghiên cứu được trang bị trong quá trình học để thực hiện đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu của học viên trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ học ứng dụng định hướng ứng dụng được viết bằng tiếng Anh có khối lượng 9 tín chỉ (khoảng 50 trang A4 hoặc 12.500 từ) được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh) định hướng ứng dụng, học viên có khả năng tự học tập, tự xác

định được những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung, trau dồi, sử dụng thành thục các thao tác để truy cập thông tin, có khả năng tự kết nối với các thành viên khác trong cộng đồng để tự nâng cao trình độ sau tốt nghiệp. Sau tốt nghiệp, học viên cũng có thể học tiếp lên trình độ Tiến sỹ.

4. Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp

TT	Ngành đào tạo thạc sĩ	Tên văn bằng thạc sĩ sau khi tốt nghiệp	Ngành phù hợp ở bậc Cử nhân đủ điều kiện xét tuyển thẳng
1.	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh
2.	Sư phạm Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh

PHẦN IV: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

C. Ma trận chuẩn đầu ra (programme outcome)

Mã học phần	Học phần	P O1	P O2	P O3	P O4	PO 5	P O6	P O7	P O8	P O9	P O10	P O11	P O12	P O13	P O14	PO 15	P O16	P O17	P O18	P O19	P O20	P O21	P O22	P O23
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng					4		4	4	4		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn	3				4		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Anh)	3		5				4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG 6036	Một số vấn đề trong nghiên cứu văn hóa xuyên quốc gia	3				4	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
<i>Các học phần tự chọn</i>	Tiếng Anh viết khoa học			5	4	4	5	5	5	4	5	5		4	5	5	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học		5					4	4	4		5		4		4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG 6059	Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6007	Giao tiếp giao văn hoá					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x

ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội		5					4	4	4		5		4		4	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6024	Ngôn ngữ học tri nhận			5	4	4		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6202	Miêu tả ngôn ngữ			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh)	4		5		4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6010	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học trong giảng dạy ngoại ngữ					5	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh)				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6204	Ngữ pháp chức năng				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6205	Dụng học	3		5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6025	Các biến thể tiếng Anh trên thế giới			5			4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6026	Ngôn ngữ và truyền thông		5		5			5	5	5	4	5		5	5	5	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6029	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6022	Các lý thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai				4	4	4	5	5	5	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh				4	5	5	5	4	4	4	5		4	5	5	x	x	x	x	x	x	x	x	x

ENG6018	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ			5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6028	Tâm lí học giảng dạy ngoại ngữ				4	5	5	5	5	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6027	Lí thuyết về quá trình học	4	5	5	4	5	5	5	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6011	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4	x	x	x
ENG6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4	x	x	x
ENG6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4	x	x	x
ENG6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4	x	x	x
	Thực tập	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	x	x	x	x	x	4	x	x	x
	Đồ án tốt nghiệp	5	5	5	5	5	4	5	5	4	4	4	4	4	4	x	x	x	x	x	4	x	x	x
		Kiến thức					Kỹ năng							TCTCTN&ĐĐ										

B. Hướng chuyên sâu về ngôn ngữ học (định hướng ứng dụng)

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

61 tín chỉ, trong đó:

-
buộc):

Khối kiến thức chung (bắt
4 tín chỉ

-
ngành:

Khối kiến thức cơ sở và chuyên
42 tín chỉ

+ Bắt buộc:

24 tín chỉ

+ Tự chọn:

18 tín chỉ

+ *Thực tập:*

6 tín chỉ

-

Đồ án tốt nghiệp: **9** tín chỉ

2. Khung chương trình

STT	Mã Học phần	Tên học phần <i>(ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)</i>	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				<i>Lí thuyết</i>	<i>Thực hành</i>	<i>Tự học</i>	
I	Khối kiến thức chung		4				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức theo nhóm ngành/ chuyên ngành		42				
II.1.	Các học phần bắt buộc: 05 học phần		15				
2.	ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng <i>(Research Methods in Applied Linguistics)</i>	3	30	15	90	PHI 5002
3.	ENG6020	Những vấn đề ngôn ngữ học đại cương và ứng dụng thực tiễn <i>(Issues in General Linguistics and Their Practical Applications)</i>	3	30	15	30	PHI5002 ENG6005

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
4.	ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)	3	30	15	30	ENG6020
5.	ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (Approaches to Discourse Analysis)	3	30	15	30	
6.	ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (Language, Culture and Society)	3	30	15	30	
II.2.	Các học phần tự chọn: 3 học phần		9				
7.	ENG6007	Giao tiếp giao văn hoá (Cross-Cultural Communication)	3	30	15	30	
8.	ENG6024	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	3	30	15	30	
9.	ENG6010	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học trong giảng dạy ngoại ngữ (Phonetics and Phonology in Language Teaching)	3	30	15	30	
10.	ENG 6208	Miêu tả ngôn ngữ (Language Description)	3	30	15	30	
11.	ENG 6086	Thiết kế và thực hành nghiên cứu (Research Design and Practice)	3	30	15	30	
12.	ENG 6202	Lí thuyết ngữ pháp và ứng dụng trong giảng dạy ngoại ngữ (Theories of grammar and applications in language teaching)	3	30	15	30	
13.	ENG 6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh) (Translation Studies (English))	3	30	15	30	

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
14.	ENG6204	Ngữ pháp chức năng (<i>Functional Grammar</i>)	3	30	15	30	
15.	ENG 6011	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ (<i>Technology in Language Teaching</i>)	3	30	15	30	
16.	ENG 6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ (<i>Language Policy and Enactment</i>)	3	30	15	30	
17.	ENG 6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành (<i>Content and Language Integrated Learning</i>)	3	30	15	30	
18.	ENG 6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ (<i>Bilingualism and Bilingual Education</i>)	3	30	15	30	
III	Khối kiến thức ngành/chuyên ngành		18				
III.1	Học phần bắt buộc: 3 học phần		9				
19.	ENG 6009	Tiếng Anh viết khoa học (<i>Academic English Writing</i>)	3	30	15	30	
20.	ENG 6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh) (<i>Applied Linguistics (English)</i>)	3	30	15	30	
21.	ENG 6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (<i>Semantics (English)</i>)	3	30	15	30	
III.2	Học phần tự chọn: 03 học phần		9				
22.	ENG 6205	Dụng học (<i>Pragmatics</i>)	3	30	15	30	
23.	ENG 6025	Các biến thể tiếng Anh trên thế giới (<i>World Englishes</i>)	3	30	15	30	

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
24.	ENG 6026	Ngôn ngữ và truyền thông (Language and the Media)	3	30	15	30	
25.	ENG 6036	Một số vấn đề trong nghiên cứu văn hóa xuyên quốc gia (Issues in Transnational Cultural Studies)	3	30	15	30	
26.	ENG 6029	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and Assessment)	3	30	15	30	
27.	ENG 6022	Các lí thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai (Theories of Second Language Learning)	3	30	15	30	
28.	ENG 6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh (Approaches to English Language Teaching Curriculum and Materials Development)	3	30	15	30	
29.	ENG 6018	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	3	30	15	30	
30.	ENG 6028	Tâm lí học giảng dạy ngoại ngữ (Psychology for Language Teaching)	3	30	15	30	
31.	ENG 6027	Lí thuyết về quá trình học (Theories of Learning)	3	30	15	30	
IV		Thực tập	6				
1.	PEL 6001	Thực tập 1 (Practice 1)	3	15	30		
2.	PEL 6002	Thực tập 2 (Practice 2)	3	15	30		

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
V	ENG 7201	Đồ án tốt nghiệp	9				
		Tổng cộng	61				

C. Hướng chuyên sâu về biên phiên dịch (định hướng ứng dụng)

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

-
buộc):

-
ngành:

+ Bắt buộc:

+ Tự chọn:

- Thực tập:

-

Đồ án tốt nghiệp: 9 tín chỉ

61 tín chỉ, trong đó:

Khối kiến thức chung (bắt
4 tín chỉ

Khối kiến thức cơ sở và chuyên
42 tín chỉ

24 tín chỉ

18 tín chỉ

6 tín chỉ

9 tín chỉ

2. Khung chương trình

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		4				
1.	PHI 5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		42				
II.1.	Các học phần bắt buộc		24				
2.	ENG 6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Anh) (General Linguistics (English))	3	30	15	30	PHI5002
3.	ENG 6009	Tiếng Anh viết khoa học (Academic English Writing)	3	30	15	30	ENG6020
4.	ENG 6033	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)	3	30	15	30	ENG6020
5.	ENG 6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn	3	30	15	30	ENG6020

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>(Approaches to Discourse Analysis)</i>					
6.	ENG 6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (<i>Language, Culture and Society</i>)	3	30	15	30	ENG6033
7.	ENG 6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (<i>Semantics (English)</i>)	3	30	15	30	ENG6020
8.	ENG 6016	Nghiên cứu Dịch thuật (<i>Translation Studies</i>)	3	30	15	30	ENG6020
9.	ENG 6042	Thuật ngữ học và Dịch chuyên ngành (<i>Terminologies and Specialized Translation</i>)	3	30	15	30	ENG6020
II.2.	Các học phần tự chọn		18				
10.	ENG6041	Nghề nghiệp Biên phiên dịch nâng cao (<i>Professional Aspects of Translation & Interpreting</i>)	3	30	15	30	ENG6020
11.	ENG6043	Các vấn đề ngôn ngữ trong dịch thuật (<i>Linguistic issues in Translation</i>)	3	30	15	30	ENG6020
12.	ENG 6044	Các vấn đề liên văn hóa trong dịch thuật (<i>Intercultural issues in Translation</i>)	3	30	15	30	ENG6020
13.	ENG 6046	Kỹ năng Biên dịch Nâng cao (<i>Advanced Translation</i>)	3	30	15	30	ENG6020
14.	ENG 6047	Kỹ năng Phiên dịch Nâng cao (<i>Advanced Interpretation</i>)	3	30	15	30	ENG6020
15.	ENG6048	Công nghệ trong Dịch thuật (<i>Technology in Translation</i>)	3	30	15	30	ENG6020
16.	ENG 6062	Đánh giá chất lượng bản dịch (<i>Translation Quality Assessment</i>)	3	30	15	30	ENG6020

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
17.	ENG 6063	Biên dịch văn học (Literary Translation)	3	30	15	30	ENG6020
18.	ENG 6025	Các biến thể tiếng Anh trên thế giới (World Englishes)		30	15	30	ENG6020
19.	ENG 6026	Ngôn ngữ và truyền thông (Language and the Media)	3	30	15	30	ENG6020
20.	ENG 6070	Các chủ đề Hoa Kỳ học (Topics in American Studies)	3	30	15	30	ENG6020
21.	ENG 6071	Các chủ đề Anh quốc học (Topics in British Studies)	3	30	15	30	ENG6020
22.	ENG 6072	Các chủ đề nghiên cứu Đông Nam Á (Topics in Southeast Asian Studies)	3	30	15	30	ENG6020
23.	ENG6065	Dẫn luận về Quan hệ quốc tế (An Introduction to International Relation)	3	30	15	30	ENG6020
24.	ENG 6064	Các tổ chức quốc tế (International Organizations)	3	30	15	30	ENG6020
25.	ENG 6036	Một số vấn đề trong Nghiên cứu văn hóa xuyên quốc gia (Issues in Transnational Cultural Studies)	3	30	15	30	ENG6020
26.	ENG 6024	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	3	30	15	30	ENG6020
27.	ENG 6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ (Language Policy and Enactment)	3	30	15	30	ENG6020
	Thực tập		6				
1.	PEL 6001	Thực tập 1 (Teaching practice 1)	3	15	30		

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
2.	PEL 6002	Thực tập 2 (Teaching practice 2)	3	15	30		
III	Đồ án tốt nghiệp		9				
	Tổng cộng		61				

D. Hướng chuyên sâu về quốc tế học (định hướng ứng dụng)

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

-

-

ngành:

+ Bắt buộc:

+ Tự chọn:

- *Thực tập:*

-

Đồ án tốt nghiệp:

61 tín chỉ, trong đó:

Khối kiến thức chung (bắt buộc):

4 tín chỉ

Khối kiến thức cơ sở và chuyên

42 tín chỉ

24 tín chỉ

18 tín chỉ

6 tín chỉ

9 tín chỉ

2. Khung chương trình

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		4				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức theo nhóm ngành/ chuyên ngành		42				
II.1.	Các học phần bắt buộc		15				
2.	ENG6076	Phương pháp nghiên cứu trong quốc tế học (Research Methods in International Studies)	3	30	15	30	PHI5002
3.	ENG 6036	Những vấn đề trong nghiên cứu văn hóa xuyên quốc gia (Issues in Transnational Cultural Studies)	3	30	15	30	ENG6076

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
4.	ENG6066	Những vấn đề trong nghiên cứu truyền thông (Issues in Media Studies)	3	30	15	30	ENG6076
5.	ENG6067	Những vấn đề trong nghiên cứu phát triển (Issues in Development Studies)	3	30	15	30	ENG6076
6.	ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học (Academic English Writing)	3	30	15	30	PHI5002
II.2.	Các học phần tự chọn		12				
7.	ENG 6070	Các chủ đề Hoa Kỳ học (Topics in American Studies)	3	30	15	30	ENG6076
8.	ENG 6071	Các chủ đề Anh quốc học (Topics in British Studies)	3	30	15	30	ENG6076
9.	ENG 6069	Di cư và nhập cư trong thời đại mới (Migration and Immigration in Contemporary Societies)	3	30	15	30	ENG6076
10.	ENG 6204	Ngữ pháp chức năng (Functional Grammar)	3	30	15	30	ENG6076
11.	ENG 6205	Dụng học (Pragmatics)	3	30	15	30	ENG6076
12.	ENG 6025	Các biến thể tiếng Anh trên thế giới (World Englishes)	3	30	15	30	ENG6076
13.	ENG 6048	Công nghệ trong dịch thuật (Computer-assisted Translation Studies)	3	30	15	30	ENG6076
14.	ENG 6043	Các vấn đề ngôn ngữ trong dịch thuật	3	30	15	30	ENG6076

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>(Linguistics Aspects of Translation Studies)</i>					
15.	ENG 6047	Kỹ năng Phiên dịch nâng cao (Higher Translation skills)	3	30	15	30	ENG6076
16.	ENG 6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh) (Translation Studies (English))	3	30	15	30	ENG6076
III	Khối kiến thức ngành/chuyên ngành		18				
III.1	Học phần bắt buộc:		9				
17.	ENG 6033	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)	3	45	0	0	
18.	ENG 6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (Approaches to Discourse Analysis)	3	45	0	0	
19.	ENG 6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (Language, Culture and Society)	3	45	0	0	
III.2	Học phần tự chọn		6				
20.	ENG 6072	Các chủ đề nghiên cứu Đông Nam Á (Topics in Southeast Asian Studies)	3	30	15	30	
21.	ENG 6065	Dẫn luận về Quan hệ quốc tế (Introduction to International Relations)	3	30	15	30	
22.	ENG 6073	Các chủ đề trong nghiên cứu về giới và tuổi thơ	3	30	15	30	

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>(Topics in Gender and Childhood Studies)</i>					
23.	ENG 6068	Giáo dục quốc tế và so sánh <i>(Comparative and International Education)</i>	3	30	15	30	
24.	ENG 6064	Các tổ chức quốc tế <i>(International Organizations)</i>	3	30	15	30	
25.	ENG 6026	Ngôn ngữ và truyền thông <i>(Language and the Media)</i>	3	30	15	30	ENG6076
26.	ENG 6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh) <i>(Translation Studies (English))</i>	3	30	15	30	ENG6076
27.	ENG 6048	Công nghệ trong dịch thuật <i>(Computer-assisted Translation Studies)</i>	3	30	15	30	ENG6076
28.	ENG 6043	Các vấn đề ngôn ngữ trong dịch thuật <i>(Linguistics Aspects of Translation Studies)</i>	3	30	15	30	ENG6076
29.	ENG6047	Kỹ năng Phiên dịch nâng cao <i>(Higher Translation skills)</i>	3	30	15	30	ENG6076
IV.	Thực tập		6				
1	PEL 6001	Thực tập 1 <i>(Teaching practice 1)</i>	3	15	30		
2	PEL 6002	Thực tập 2 <i>(Teaching practice 2)</i>	3	15	30		
V.	Đồ án tốt nghiệp		9				
	Tổng cộng		61				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ : THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG (TIẾNG ANH)

MÃ SỐ: 8220214.01 QTDNC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- **Tên chuyên ngành đào tạo:**

+ Tên tiếng Việt: Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh)

+ Tên tiếng Anh: Applied Linguistics (English)

- **Mã số chuyên ngành đào tạo:** 8220214.01 QTD NC (ngành đào tạo thí điểm)

- **Tên chuyên ngành đào tạo:** Ngôn ngữ học ứng dụng (Tiếng Anh)

- Tên tiếng Anh: Applied Linguistics

- **Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ

- **Thời gian đào tạo:** 2 năm

- **Tên văn bằng sau tốt nghiệp:**

+ Tên tiếng Việt: Thạc sĩ ngôn ngữ học ứng dụng

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Master in Applied Linguistics

- **Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung

M1. Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh (NNHUDTA) theo định hướng nghiên cứu đặt trọng tâm đào tạo những nhà chuyên môn có kiến thức về Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh có khả năng vận dụng tri thức về Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh một cách chủ động, sáng tạo vào các lĩnh vực cụ thể. Ngoài ra, chương trình đặt mục tiêu đào tạo ra những nhà chuyên môn có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá Anh và các nước nói tiếng Anh (trong mối tương quan với văn hóa chung của nhân loại); có hiểu biết về môi trường địa phương trong nước và quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có

thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

M2. Sau khi tốt nghiệp chương trình, thạc sỹ chương trình Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh định hướng nghiên cứu có thể tiếp tục tự học, trau dồi những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành những nhà nghiên cứu có kiến thức trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt thích hợp với các giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh nói riêng và ngành ngôn ngữ nói chung, những người năng động, sáng tạo trong thực hành nghề nghiệp và có thể tạo ảnh hưởng trong cộng đồng thực hành nghề nghiệp thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

M3. Chương trình cung cấp kiến thức đại cương về các khoa học ngôn ngữ và các khoa học sư phạm, mở rộng và cập nhật kiến thức mới nhất về lý luận và thực tiễn dạy học tiếng Anh để học viên tốt nghiệp vận dụng vào thực tiễn giảng dạy;

M4. Chương trình cung cấp kiến thức chuyên ngành giúp người học phát hiện và giải quyết các vấn đề trong nhiều lĩnh vực trong nước;

M5. Chương trình có thể đáp ứng nhu cầu phổ cập và nâng cao trình độ tiếng Anh cho đội ngũ cán bộ khoa học, các tầng lớp nhân dân và người lao động trong cả nước.

Về kỹ năng:

M6. Chương trình cung cấp các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học ứng dụng. Ngoài ra, chương trình còn phát triển các kỹ năng tiếng Anh, đặc biệt là các kỹ năng phục vụ nghiệp vụ giảng dạy.

M7. Trang bị kỹ năng mềm nhằm phát triển các năng lực cá nhân phù hợp với môi trường công việc, sáng tạo và năng động;

Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:

M8. Trang bị năng lực tự chủ trong phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề ngôn ngữ, phù hợp với yêu cầu thực tiễn hoạt động của các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp theo hướng tiếp cận với tri thức hiện đại của khu vực và thế giới.

M9. Trang bị năng lực tự học và tự đổi mới suốt đời cho học viên;

Về phẩm chất chính trị:

M10. Chương trình cũng góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh:

Xét tuyển theo hướng dẫn của ĐHQGHN hàng năm;

3.2. Đối tượng tuyển sinh:

- Thí sinh đã có bằng Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh hoặc Sư phạm tiếng Anh hoặc các ngành phù hợp được ĐHQGHN cho phép;
- Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

4.1. Những vị trí công tác học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh định hướng nghiên cứu có thể đảm nhận các vị trí công tác có liên quan đến Ngôn ngữ học ứng dụng như giáo viên các trường phổ thông, chuyên gia ngôn ngữ trong các trung tâm ngôn ngữ, chuyên gia biên dịch, phiên dịch tiếng Anh tại các cơ quan ngoại giao và các cơ quan, đơn vị có sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giao tiếp chính trong và ngoài nước; cán bộ phụ trách công tác báo chí truyền thông tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; phóng viên, biên tập viên báo chí, truyền thông; chuyên gia tư vấn, hỗ trợ cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình về mặt ngôn ngữ; cán bộ giảng dạy ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, đất nước học, quốc tế học và thực hành tiếng tại các cơ sở đào tạo tiếng Anh và ngôn ngữ khác; cán bộ đối ngoại, văn phòng tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản văn hóa, chính trị; các nhà quản lý tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện.

4.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh theo định hướng nghiên cứu có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn và đảm nhận các nhiệm vụ đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp cao. Họ có thể làm trong các nghiệp vụ có liên quan đến Ngôn ngữ học ứng

dụng tiếng Anh có tính ứng dụng cao như giảng dạy tiếng Anh, biên phiên dịch, thiết kế ứng dụng biên/phiên dịch, biên tập viên trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ và các cơ quan truyền thông đại chúng. Họ là những người có thể bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn, cũng như xây dựng được năng lực tự học để tự phát triển bản thân và cũng có thể tiếp tục học lên các bậc học cao hơn.

5. Yêu cầu đối với người học

5.1. Yêu cầu đối với luận văn

Luận văn thạc sĩ trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ học ứng dụng định hướng nghiên cứu là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề liên quan đến Ngôn ngữ học trong việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân như công tác biên dịch, phiên dịch, và công tác biên tập trong các tạp chí khoa học ngôn ngữ, công tác giảng dạy và nghiên cứu.

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực Ngôn ngữ học được Tiểu ban Ngôn ngữ học của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ khả năng vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ học và phương pháp nghiên cứu được trang bị trong quá trình học để thực hiện đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu của học viên trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ học ứng dụng định hướng ứng dụng được viết bằng tiếng Anh có khối lượng 15 tín chỉ (khoảng 80 trang A4 hoặc 20.000 từ) được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

5.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh) định hướng nghiên cứu, học viên có khả năng tự học tập, tự xác định được những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung, trau dồi, sử dụng thành thực các thao tác để truy cập thông tin, có khả năng tự kết nối với các thành viên khác trong cộng đồng để tự nâng cao trình độ sau tốt nghiệp. Sau tốt nghiệp, học viên cũng có thể học tiếp lên trình độ Tiến sĩ.

6. Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp

TT	Ngành đào tạo thạc sĩ	Tên văn bằng thạc sĩ sau khi tốt nghiệp	Ngành phù hợp ở bậc Cử nhân đủ điều kiện xét tuyển thẳng
----	-----------------------	---	--

1	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh
2	Sư phạm Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Người tốt nghiệp chương trình đào tạo này sẽ đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu (về kiến thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ và trách nhiệm) phù hợp với các quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học”, cụ thể như sau:

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức thực tế

C1. Vận dụng được kiến thức nền tảng chung về triết học, kiến thức chung về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước;

C2. Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

1.2. Kiến thức lý thuyết

C3. Áp dụng kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;

C4. Phân tích và tổng hợp các kiến thức cơ bản về văn học – văn hóa, giao tiếp liên-giao văn hóa trong giao tiếp, và nghiên cứu ngoại ngữ;

C5. Quản trị và quản lý các hoạt động học thuật trong quá trình vận dụng ngôn ngữ tiếng Anh học thuật.

C6. Xây dựng hệ thống kiến thức chuyên ngành tích hợp với các kiến thức nền tảng làm tiền đề cho việc phát triển các kỹ năng chuyển đổi giữa các ngành nghề liên quan, phù hợp.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng nhận thức và giao tiếp ứng xử:

C7. Giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác để làm việc hiệu quả và thích nghi với sự thay đổi liên tục của các hoạt động xã hội;

C8. Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (hợp tác, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng công nghệ thông tin, quản lý công việc và thời gian, lãnh đạo và quản lý sự thay đổi, sáng tạo và đổi mới), trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội trong giảng dạy, học tập và cuộc sống;

2.2. Kỹ năng thực hành nghề nghiệp:

C9. Sử dụng tốt tiếng Anh xã hội và tiếng Anh học thuật ở trình độ tối thiểu tương đương bậc 5 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

C10. Vận dụng được các lý thuyết cơ bản về Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh trong sử dụng và nghiên cứu Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh;

C11. Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh và mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh với hiệu quả và tiến độ cao;

C12. Ứng dụng kiến thức nâng cao và chuyên sâu về ngôn ngữ và Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh trong đó bao gồm kiến thức ngôn ngữ Anh, giảng dạy, biên phiên dịch, ...

C13. Hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

C14. Xây dựng phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng chuyên sâu trong việc phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề ngôn ngữ, phù hợp với yêu cầu thực tiễn hoạt động của các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp theo hướng tiếp cận với tri thức hiện đại của khu vực và thế giới;

C15. Quản trị và quản lý các nghiên cứu chuyên sâu nhằm cải tiến thực trạng sử dụng Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh trong thực tiễn.

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

C16: Dẫn dắt chuyên môn và đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ;

C17: Xây dựng, đánh giá kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong hoạt động chuyên môn;

C18: Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu.

4. Về phẩm chất đạo đức

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

C19. Rèn luyện tính trung thực, tự tin, sẵn sàng đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định về đạo đức; can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi.

4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

C20. Cam kết và trách nhiệm trong việc đóng góp cho chuyên ngành học và nghề nghiệp với tư cách là một nhà giáo dục ngoại ngữ;

C21. Vận dụng linh hoạt và phù hợp quy tắc ứng xử của một nhà giáo trong mối quan hệ với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh và những cá nhân liên quan trong môi trường giáo dục;

C22. Xây dựng tính chuyên nghiệp cao: tuân thủ các quy định của nghề nghiệp, không ngừng chiêm nghiệm để cải tiến, nâng cao hiệu quả công việc.

4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

C23. Xác định được trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của một công dân; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

5. Ma trận đối sánh mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra chương trình Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh định hướng nghiên cứu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo									
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8	M9	M10
C1	x	x	x	x	x				x	x
C2	x	x	x	x		x		x	x	x
C3		x	x	x	x	x	x			x
C4		x	x		x	x	x			x
C5	x	x		x		x		x		x
C6	x	x			x	x		x	x	x
C7		x		x	x	x		x	x	x
C8	x	x	x			x	x			x
C9	x			x	x			x	x	x
C10		x	x		x	x	x			x
C11			x		x	x		x	x	x
C12	x	x		x	x		x	x		x
C13			x	x	x		x	x	x	x
C14	x	x	x		x		x	x		x
C15	x			x	x	x			x	x
C16			x	x	x		x	x	x	x
C17			x	x	x	x		x	x	x
C18	x	x		x	x		x	x		x
C19	x	x	x		x	x	x			x
C20	x	x		x		x		x		x
C21				x	x	x	x			x
C22				x	x		x	x	x	x
C23	x	x								x

PHẦN III. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin tuyển sinh

1.1. Hình thức tuyển sinh:

+ Xét tuyển với các điều kiện theo quy định của ĐHQGHN

Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã có bằng Cử nhân Ngôn ngữ Anh hoặc Sư phạm tiếng Anh hoặc các ngành phù hợp được ĐHQGHN cho phép

1.2 Quy mô tuyển sinh

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 50 HV/năm

2. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

2.1. Những vị trí công tác học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh định hướng nghiên cứu có thể đảm nhận các vị trí công tác có liên quan đến Ngôn ngữ học ứng dụng như giáo viên các trường phổ thông, chuyên gia ngôn ngữ trong các trung tâm ngôn ngữ, chuyên gia biên dịch, phiên dịch tiếng Anh tại các cơ quan ngoại giao và các cơ quan, đơn vị có sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giao tiếp chính trong và ngoài nước; cán bộ phụ trách công tác báo chí truyền thông tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; phóng viên, biên tập viên báo chí, truyền thông; chuyên gia tư vấn, hỗ trợ cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình về mặt ngôn ngữ; cán bộ giảng dạy ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, đất nước học, quốc tế học và thực hành tiếng tại các cơ sở đào tạo tiếng Anh và ngôn ngữ khác; cán bộ đối ngoại, văn phòng tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản văn hóa, chính trị; các nhà quản lý tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện.

2.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh theo định hướng nghiên cứu có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn và đảm nhận các nhiệm vụ đòi hỏi kỹ năng nghề

nghiệp cao. Họ có thể làm trong các nghiệp vụ có liên quan đến Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh vừa có kiến thức chuyên sâu vừa có tính ứng dụng cao như giảng dạy tiếng Anh, biên phiên dịch, thiết kế ứng dụng biên/phiên dịch, biên tập viên trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ và các cơ quan truyền thông đại chúng. Họ là những người có thể bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn, cũng như xây dựng được năng lực tự học để tự phát triển bản thân và cũng có thể tiếp tục học lên các bậc học cao hơn.

3. Yêu cầu đối với người học

3.1. Yêu cầu đối với luận văn

Luận văn thạc sĩ trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ học ứng dụng là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề liên quan đến Ngôn ngữ học trong việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân như công tác biên dịch, phiên dịch, và công tác biên tập trong các tạp chí khoa học ngôn ngữ, công tác giảng dạy và nghiên cứu.

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực Ngôn ngữ học được Tiểu ban Ngôn ngữ học của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ khả năng vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ học và phương pháp nghiên cứu được trang bị trong quá trình học để thực hiện đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu của học viên trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ học ứng dụng định hướng nghiên cứu được viết bằng tiếng Anh có khối lượng 15 tín chỉ (khoảng 80 trang A4 hoặc 20.000 từ) được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh), học viên có khả năng tự học tập, tự xác định được những kiến

thức và kỹ năng cần bổ sung, trau dồi, sử dụng thành thục các thao tác để truy cập thông tin, có khả năng tự kết nối với các thành viên khác trong cộng đồng để tự nâng cao trình độ sau tốt nghiệp. Sau tốt nghiệp, học viên cũng có thể học tiếp lên trình độ Tiến sĩ.

4. Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp

TT	Ngành đào tạo thạc sĩ	Tên văn bằng thạc sĩ sau khi tốt nghiệp	Ngành phù hợp ở bậc Cử nhân đủ điều kiện xét tuyển thẳng
3.	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh
4.	Sư phạm Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh

PHẦN IV: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

D. Ma trận chuẩn đầu ra (programme outcome)

Mã học phần	Học phần	P O1	P O2	P O3	P O4	PO 5	P O6	P O7	P O8	P O9	P O10	P O11	P O12	P O13	P O14	PO 15	P O16	P O17	P O18	P O19	P O20	P O21	P O22	PO 23
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	x	x	x	x	x	x	x	x
	Ngoại ngữ B2							4	4	4			4	4		4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng					4		4	4	4		5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn	3				4		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Anh)	3		5				4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG 6036	Một số vấn đề trong nghiên cứu văn hóa xuyên quốc gia	3				4	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học		5					4	4	4		5		4		4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG 6059	Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6007	Giao tiếp giao văn hoá					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x

ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội		5					4	4	4		5		4		4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6024	Ngôn ngữ học tri nhận			5	4	4		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6202	Miêu tả ngôn ngữ			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh)	4		5		4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6010	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học trong giảng dạy ngoại ngữ					5	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh)				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6204	Ngữ pháp chức năng				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6205	Dụng học	3		5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6025	Các biến thể tiếng Anh trên thế giới			5			4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6026	Ngôn ngữ và truyền thông		5		5			5	5	5	4	5		5	5	5	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6029	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6022	Các lý thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai				4	4	4	5	5	5	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh				4	5	5	5	4	4	4	5		4	5	5	x	x	x	x	x	x	x	x

ENG6018	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ			5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6028	Tâm lí học giảng dạy ngoại ngữ				4	5	5	5	5	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6027	Lí thuyết về quá trình học	4	5	5	4	5	5	5	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6011	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4	x	x	x
ENG6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4	x	x	x
ENG6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4	x	x	x
ENG6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4	x	x	x
	Thực tập	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	x	x	x	x	x	4	x	x	x
	Đồ án tốt nghiệp	5	5	5	5	5	4	5	5	4	4	4	4	4	4	x	x	x	x	x	4	x	x	x
		Kiến thức					Kỹ năng							TCTCTN&ĐĐ										

B. Hướng chuyên sâu về ngôn ngữ học (định hướng nghiên cứu)

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

61 tín chỉ, trong đó:

-
bắt buộc):

Khối kiến thức chung (bắt
4 tín chỉ

-
ngành:

Khối kiến thức cơ sở và chuyên
27 tín chỉ

+ Bắt buộc:

18 tín chỉ

+ Tự chọn:

9 tín chỉ

- *Nghiên cứu khoa học:*

15 tín chỉ

-

Luận văn thạc sĩ:

15 tín chỉ

2. Khung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		4				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		27				
II.1.	Các học phần bắt buộc		18				
2.	ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng (Research Methods in Applied Linguistics)	3	30	15	30	PHI 5002
3.	ENG6020	Những vấn đề ngôn ngữ học đại cương và ứng dụng (Issues in General Linguistics and Their Practical Applications)	3	30	15	30	PHI5002 ENG6005
4.	ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)	3	30	15	30	ENG6020
5.	ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn	3	30	15	30	ENG6020

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>(Approaches to Discourse Analysis)</i>					
6.	ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (<i>Language, Culture and Society</i>)	3	30	15	30	ENG6020
7.	ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (<i>Semantics (English)</i>)	3	30	15	30	ENG6020
II.2.	Các học phần tự chọn		9				
8.	ENG6007	Giao tiếp giao văn hoá (<i>Cross-Cultural Communication</i>)	3	30	15	30	ENG6020
9.	ENG6024	Ngôn ngữ học tri nhận (<i>Cognitive Linguistics</i>)	3	30	15	30	ENG6020
10.	ENG6212	Miêu tả ngôn ngữ (<i>Language Description</i>)	3	30	15	30	ENG6020
11.	ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học (<i>Academic English Writing</i>)	3	30	15	30	ENG6020
12.	ENG6010	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học trong giảng dạy ngoại ngữ (<i>Phonetics and Phonology in Language Teaching</i>)	3	30	15	30	ENG6020
13.	ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh) (<i>Translation Studies (English)</i>)	3	30	15	30	ENG6010
14.	ENG6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh) (<i>Applied Linguistics (English)</i>)	3	45	0	0	
15.	ENG6204	Ngữ pháp chức năng (<i>Functional Grammar</i>)	3	30	15	30	ENG6020
16.	ENG6205	Dụng học (<i>Pragmatics</i>)	3	30	15	30	ENG6020
17.	ENG6025	Các biến thể tiếng Anh trên thế giới	3	30	15	30	ENG6020

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		(World Englishes)					
18.	ENG6026	Ngôn ngữ và truyền thông (<i>Language and the Media</i>)	3	30	15	30	ENG6020
19.	ENG6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh) (<i>Applied Linguistics (English)</i>)	3	30	15	30	ENG6020
20.	ENG 6036	Một số vấn đề trong nghiên cứu văn hóa xuyên quốc gia (<i>Issues in Transnational Cultural Studies</i>)	3	30	15	30	ENG6026
21.	ENG6029	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (<i>Language Testing and Assessment</i>)	3	30	15	30	ENG6020
22.	ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh) (<i>Translation Studies (English)</i>)	3	45	0	0	
23.	ENG6022	Các lí thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai (<i>Theories of Second Language Learning</i>)	3	30	15	30	ENG6020
24.	ENG6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh (<i>Approaches to English Language Teaching Curriculum and Materials Development</i>)	3	30	15	30	ENG6020
25.	ENG6018	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (<i>Language Teaching Methodology</i>)	3	30	15	30	ENG6020
26.	ENG6028	Tâm lí học giảng dạy ngoại ngữ	3	30	15	30	ENG6020

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>(Psychology for Language Teaching)</i>					
27.	ENG6027	Lí thuyết về quá trình học <i>(Theories of Learning)</i>	3	30	15	30	ENG6020
28.	ENG6011	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ <i>(Technology in Language Teaching)</i>	3	30	15	30	ENG6020
29.	ENG6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ <i>(Language Policy and Enactment)</i>	3	30	15	30	ENG6020
30.	ENG6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành <i>(Content and Language Integrated Learning)</i>	3	30	15	30	ENG6020
31.	ENG6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ <i>(Bilingualism and Bilingual Education)</i>	3	30	15	30	ENG6020
III	Nghiên cứu khoa học		15				
32.	STE 6003	Thiết kế và thực hành nghiên cứu (Research Design and Practice)	3	45	0	0	
33.	STE 6003	Hướng dẫn viết luận văn (Dissertation)	3	45	0	0	
34.	STE 6015	Giao tiếp liên văn hóa một cách tiếp cận khác (Intercultural communication: an alternative view)	3	45	0	0	
35.	STE 6016	Tiếng Anh như một ngôn ngữ thế giới (English as a World Language)	3	45	0	0	
36.	STE 6008	Phân tích ngôn ngữ cho việc giảng dạy ngoại ngữ	3	45	0	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		(Analysing Language for ELT/TESOL)					
37.	STE 6018	Những khía cạnh nghiên cứu và ứng dụng của ngôn ngữ học chức năng hệ thống (Systemic Functional Linguistics: Theories and Practices)	3	45	0	0	
38.	STE 6019	Ẩn dụ ý niệm (Conceptual Metaphor)	3	45	0	0	
IV	ENG7202	Luận văn thạc sĩ	15				
	Tổng cộng		61				

C. Hướng chuyên sâu về biên phiên dịch (định hướng nghiên cứu)

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

61 tín chỉ, trong đó:

-

Khối kiến thức chung (bắt buộc): **4**

tín chỉ

-

Khối kiến thức cơ sở và chuyên

ngành:

27 tín chỉ

+ Bắt buộc:

18 tín chỉ

+ Tự chọn:

9 tín chỉ

- *Nghiên cứu khoa học:*

15 tín chỉ

-

Luận văn thạc sĩ: **15** tín chỉ

2. Khung chương trình

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		4				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		27				
II.1.	Các học phần bắt buộc		18				
2.	ENG6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Anh) (General Linguistics (English))	3	30	15	30	PHI5002
3.	ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học (Academic English Writing)	3	30	15	30	ENG6020
4.	ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)	3	30	15	30	ENG6020
5.	ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn	3	30	15	30	ENG6020

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>(Approaches to Discourse Analysis)</i>					
6.	ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (<i>Language, Culture and Society</i>)	3	30	15	30	ENG6020
7.	ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (<i>Semantics (English)</i>)	3	30	15	30	ENG6020
8.	ENG6016	Nghiên cứu Dịch thuật (<i>Translation Studies</i>)	3	30	15	30	ENG6020
9.	ENG 6042	Thuật ngữ học và Dịch chuyên ngành (<i>Terminologies and Specialized Translation</i>)	3	30	15	30	ENG6020
II.2.	Các học phần tự chọn		9				
10.	ENG6041	Nghề nghiệp Biên phiên dịch nâng cao (<i>Professional Aspects of Translation & Interpreting</i>)	3	30	15	30	ENG6016
11.	ENG6043	Các vấn đề ngôn ngữ trong dịch thuật (<i>Linguistic issues in Translation</i>)	3	30	15	30	ENG6016
12.	ENG6044	Các vấn đề liên văn hóa trong dịch thuật (<i>Intercultural issues in Translation</i>)	3	30	15	30	ENG6016
13.	ENG6046	Kỹ năng Biên dịch Nâng cao (<i>Advanced Translation</i>)	3	30	15	30	ENG6016
14.	ENG6047	Kỹ năng Phiên dịch Nâng cao (<i>Advanced Interpretation</i>)	3	30	15	30	ENG6016
15.	ENG6048	Công nghệ trong Dịch thuật (<i>Technology in Translation</i>)	3	30	15	30	ENG6016
16.	ENG6062	Đánh giá chất lượng bản dịch (<i>Translation Quality Assessment</i>)	3	30	15	30	ENG6016
17.	ENG6063	Biên dịch văn học (<i>Literary Translation</i>)	3	30	15	30	ENG6016

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
18.	ENG6025	Các biến thể tiếng Anh trên thế giới (<i>World Englishes</i>)	3	30	15	30	ENG6020
19.	ENG6026	Ngôn ngữ và truyền thông (Language and the Media)	3	30	15	30	ENG6020
20.	ENG 6070	Các chủ đề Hoa Kỳ học (Topics in American Studies)	3	30	15	30	ENG6020
21.	ENG 6071	Các chủ đề Anh quốc học (Topics in British Studies)	3	30	15	30	ENG6020
22.	ENG 6072	Các chủ đề nghiên cứu Đông Nam Á (Topics in Southeast Asian Studies)	3	30	15	30	ENG6020
23.	ENG6065	Dẫn luận về Quan hệ quốc tế (<i>An Introduction to International Relation</i>)	3	30	15	30	ENG6044
24.	ENG6064	Các tổ chức quốc tế (<i>International Organizations</i>)	3	30	15	30	ENG6044
25.	ENG6036	Một số vấn đề trong Nghiên cứu văn hóa xuyên quốc gia (<i>Issues in Transnational Cultural Studies</i>)	3	30	15	30	ENG6044
26.	ENG6024	Ngôn ngữ học tri nhận (<i>Cognitive Linguistics</i>)	3	30	15	30	ENG6020
27.	ENG6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ (<i>Language Policy and Enactment</i>)	3	30	15	30	ENG6020
III	Nghiên cứu khoa học		15				
28.	STE 6001	Thiết kế và thực hành nghiên cứu (Research Design and Practice)	3	45	0	0	
29.	STE 6003	Hướng dẫn viết luận văn	3	45	0	0	

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		(Dissertation)					
30.	STE 6015	Giao tiếp liên văn hóa một cách tiếp cận khác (Intercultural communication: an alternative view)	3	45	0	0	
31.	STE 6016	Tiếng Anh như một ngôn ngữ thế giới (English as a World Language)	3	45	0	0	
32.	STE 6008	Phân tích ngôn ngữ cho việc giảng dạy ngoại ngữ (Analysing Language for ELT/TESOL)	3	45	0	0	
33.	STE 6018	Những khía cạnh nghiên cứu và ứng dụng của ngôn ngữ học chức năng hệ thống (Systemic Functional Linguistics: Theories and Practices)	3	45	0	0	
34.	STE 6019	Ẩn dụ ý niệm (Conceptual Metaphor)	3	45	0	0	
IV	Luận văn thạc sĩ		15				
	Tổng cộng		61				

D. Hướng chuyên sâu về quốc tế học (định hướng nghiên cứu)

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

-

-

ngành:

+ Bắt buộc:

+ Tự chọn:

- *Nghiên cứu khoa học*:

-

Luận văn thạc sĩ:

61 tín chỉ, trong đó:

Khối kiến thức chung (bắt buộc):

4 tín chỉ

Khối kiến thức cơ sở và chuyên

27 tín chỉ

18 tín chỉ

9 tín chỉ

15 tín chỉ

15 tín chỉ

2. Khung chương trình

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		4				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		27				
II.1.	Các học phần bắt buộc		18				
2.	ENG6076	Phương pháp nghiên cứu trong quốc tế học (Research Methods in International Studies)	3	30	15	30	PHI5002
3.	ENG6036	Những vấn đề trong nghiên cứu văn hóa xuyên quốc gia (Issues in Transnational Cultural Studies)	3	30	15	30	ENG6076
4.	ENG6066	Những vấn đề trong nghiên cứu truyền thông	3	30	15	30	ENG6076

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		(Issues in Media Studies)					
5.	ENG6067	Những vấn đề trong nghiên cứu phát triển (Issues in Development Studies)	3	30	15	30	ENG6076
6.	ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học (Academic English Writing)	3	30	15	30	ENG6076
7.	ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)	3	30	15	30	ENG6076
8.	ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (Approaches to Discourse Analysis)	3	30	15	30	ENG6076
9.	ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (Language, Culture and Society)	3	30	15	30	ENG6076
II.2.	Các học phần tự chọn		9				
10.	ENG6070	Các chủ đề Hoa Kỳ học (Topics in American Studies)	3	30	15	30	ENG6076
11.	ENG6071	Các chủ đề Anh quốc học (Topics in British Studies)	3	30	15	30	ENG6076
12.	ENG6072	Các chủ đề nghiên cứu Đông Nam Á (Topics in Southeast Asian Studies)	3	30	15	30	ENG6076
13.	ENG6065	Dẫn luận về Quan hệ quốc tế (Introduction to International Relations)	3	30	15	30	ENG6076
14.	ENG6073	Các chủ đề trong nghiên cứu về giới và tuổi thơ (Topics in Gender and Childhood Studies)	3	30	15	30	ENG6076

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
15.	ENG6068	Giáo dục quốc tế và so sánh (<i>Comparative and International Education</i>)	3	30	15	30	ENG6076
16.	ENG6064	Các tổ chức quốc tế (<i>International Organizations</i>)	3	30	15	30	ENG6076
17.	ENG6069	Di cư và nhập cư trong thời đại mới (<i>Migration and Immigration in Contemporary Societies</i>)	3	30	15	30	ENG6076
18.	ENG6204	Ngữ pháp chức năng (<i>Functional Grammar</i>)	3	30	15	30	ENG6076
19.	ENG6205	Dụng học (<i>Pragmatics</i>)	3	30	15	30	ENG6076
20.	ENG6025	Các biến thể tiếng Anh trên thế giới (<i>World Englishes</i>)	3	30	15	30	ENG6076
21.	ENG6026	Ngôn ngữ và truyền thông (<i>Language and the Media</i>)	3	30	15	30	ENG6076
22.	ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh) (<i>Translation Studies (English)</i>)	3	30	15	30	ENG6076
23.	ENG6048	Công nghệ trong dịch thuật (<i>Computer-assisted Translation Studies</i>)	3	30	15	30	ENG6076
24.	ENG6043	Các vấn đề ngôn ngữ trong dịch thuật (<i>Linguistics Aspects of Translation Studies</i>)	3	30	15	30	ENG6076
25.	ENG6047	Kỹ năng Phiên dịch nâng cao (<i>Higher Translation skills</i>)	3	30	15	30	ENG6076
III	Nghiên cứu khoa học		15				

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
26.	STE 6001	Thiết kế và thực hành nghiên cứu (Research Design and Practice)	3	45	0	0	
27.	STE 6003	Hướng dẫn viết luận văn (Dissertation)	3	45	0	0	
28.	STE 6015	Giao tiếp liên văn hóa một cách tiếp cận khác (Intercultural communication: an alternative view)	3	45	0	0	
29.	STE 6016	Tiếng Anh như một ngôn ngữ thế giới (English as a World Language)	3	45	0	0	
30.	STE 6008	Phân tích ngôn ngữ cho việc giảng dạy ngoại ngữ (Analysing Language for ELT/TESOL)	3	45	0	0	
31.	STE 6018	Những khía cạnh nghiên cứu và ứng dụng của ngôn ngữ học chức năng hệ thống (Systemic Functional Linguistics: Theories and Practices)	3	45	0	0	
32.	STE 6019	Ân dụ ý niệm (Conceptual Metaphor)	3	45	0	0	
III	Luận văn thạc sĩ		15				
	Tổng cộng		61				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

**(DÀNH CHO SINH VIÊN TỐT NGHIỆP HỆ CHẤT LƯỢNG CAO CỦA TRƯỜNG
ĐHNN- ĐHQGHN HOẶC SINH VIÊN CÓ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC ĐẠT**

TỐI THIỂU 150 TÍN CHỈ)

**NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG ANH
(ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)**

MÃ SỐ: 8140111.01NC

*(Ban hành theo Quyết định số 1469/QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng, Trường ĐHNN-ĐHQGHN)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh

+ Tiếng Anh: English Teaching Methodology

- Mã số ngành đào tạo: 8140111.01NC

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh

+ Tiếng Anh: English Teaching Methodology

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 01 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in English Teaching Methodology

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

MC1. Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu này nhằm tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao chuyên ngành Lí luận & phương pháp Anh có phẩm chất đạo đức tốt, khả năng thích ứng cao, được cập nhật và nâng cao tri thức về ngành ngôn ngữ và tri thức chuyên ngành Lí luận & phương pháp Anh bao gồm biên phiên dịch, thương mại, du lịch, truyền thông, ngoại giao, hợp tác quốc tế và các tiếng Anh chuyên ngành khác; có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh và kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào nghiên cứu thực tiễn.

MC2. Sau khi tốt nghiệp chương trình, thạc sĩ ngành Lí luận & phương pháp Anh có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành nhà chuyên môn giỏi ở các bậc học, cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh và nghiên cứu tiếng Anh nói riêng và ngành ngôn ngữ nói chung, những người có thể tạo ra sự thay đổi trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh, có khả năng lãnh đạo, tạo ảnh hưởng trong cộng đồng học thuật trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

M1. Cung cấp cho học viên kiến thức khoa học nền tảng và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn và các khoa học sự phạm;

M2. Mở rộng và cập nhật kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn dạy học tiếng Anh để học viên tốt nghiệp vận dụng vào nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn dạy học tiếng Anh cho các đối tượng người học khác nhau.

Về kỹ năng:

M3. Đào tạo các kỹ năng liên quan tới phương pháp dạy học ngoại ngữ, đặt biệt là các kỹ năng phục vụ nghiệp vụ giảng dạy Tiếng Anh.

M4. Đề xuất và thực hiện những sáng kiến đổi mới phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh trong phạm vi trường học và địa phương của mình, trong các điều kiện giảng dạy cụ thể, đối với các đối tượng người học và mục tiêu dạy học cụ thể.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

M5. Xây dựng năng lực học độc lập và học suốt đời, cùng với việc phát triển phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định và hướng dẫn thi tuyển hàng năm theo quy định của ĐHQGHN.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Xét tuyển* đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Xét tuyển hoặc thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Lí luận & Phương pháp dạy học ngoại ngữ

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Anh

3.2. Chuyên ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh:

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Sư phạm tiếng Anh hoặc Ngôn ngữ Anh.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- *Về kinh nghiệm công tác:* Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 1,5 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính các ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung.

4.1. Những vị trí công tác học viên có thể đảm nhận sau tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh định hướng nghiên cứu có thể đảm trách công tác nghiên cứu khoa học, đảm nhận các vị trí công tác giáo viên tiếng Anh nòng cốt ở các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp; giảng viên tiếng Anh tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng chuyên ngoại ngữ; giảng viên tiếng Anh chuyên ngành tại các học viện các trường đại học và cao đẳng; chuyên viên nghiên cứu về giảng dạy ngoại ngữ của Bộ GD&ĐT, các sở, ban GD&ĐT của các địa phương trên cả nước, v.v... Đặc biệt, học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo này có năng lực và điều kiện tốt để học tập và nghiên cứu ở bậc cao hơn và đảm nhận các nhiệm vụ công tác chuyên sâu hơn.

4.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh định hướng nghiên cứu có khả năng thiết kế và thực hiện các chương trình dạy học tiếng Anh ở các học viện, trường đại học, cao đẳng chuyên và không chuyên tiếng Anh; làm nòng cốt chuyên môn ở các trường phổ thông trung học, trung cấp chuyên nghiệp; dẫn dắt và khởi xướng các dự án nghiên cứu độc lập trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh và các ngành liên quan v.v...

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại nơi làm việc;
- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực Sư phạm Anh.
- Có cơ hội học lên ở bậc cao hơn (tiến sĩ) các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Sư phạm Anh và các lĩnh vực khác thuộc ngôn ngữ học ứng dụng, nghiên cứu liên ngành liên quan đến ngôn ngữ Anh v.v.. để trở thành các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực được đào tạo.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo

1. Taught courses in Modern Languages, School of Humanities – the University of Southampton, the UK

http://www.southampton.ac.uk/humanities/postgraduate/taught_courses/taught_courses/our_courses/modern_languages.page

2. The Master of Applied Linguistics, the University of Melbourne, Australia

<http://coursesearch.unimelb.edu.au/grad/795-master-of-applied-linguistics>

3. The MA in English Language and Literary Studies, the University of Lancaster, the UK.
<http://www.lancaster.ac.uk/study/postgraduate/postgraduate-courses/english-language-and-literary-studies-ma>

4. Applied Linguistics, MA (Online and On-Campus), the University of Massachusetts Boston, the US

<https://www.umb.edu/academics/cla/appling/grad/online>

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- PLO 1. Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển thuộc kiến thức cơ sở và chuyên ngành dựa trên các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc.

- PLO 2. Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

1.2. Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành

- PLO 3. Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học các nước nói tiếng Anh, giao tiếp liên văn hóa bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con

người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.

- PLO 4. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.

- PLO 5. Vận dụng chính xác và bài bản kiến thức chuyên sâu về bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp;

Kiến thức cơ sở:

- Các trường phái ngôn ngữ học như ngôn ngữ học cấu trúc, ngôn ngữ học cải biến - tạo sinh, ngôn ngữ học chức năng, ngôn ngữ học tri nhận;

- Các ngành học liên quan đến lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh như ngôn ngữ học tâm lý, ngôn ngữ học xã hội, chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ; dụng học; v.v...

- Kiến thức ngoại ngữ học thuật phù hợp với chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh.

Kiến thức chuyên ngành:

- Các lý thuyết về quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai;

- Lý luận về phương pháp dạy học (tiếng Anh) và những vấn đề liên quan đến dạy học tiếng Anh đang được quan tâm trong cộng đồng chuyên môn thế giới;

- Lý thuyết về quá trình học;

- Tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ;

- Giáo dục song ngữ;
- Các phương pháp giáo dục giáo viên ngoại ngữ;
- Các lý thuyết về giảng dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh;
- Phát triển chương trình và tài liệu dạy học ngoại ngữ;
- Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ;
- Kiểm tra

1.3. Kiến thức của ngành / chuyên ngành

- PLO 6: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ một cách sáng tạo trong nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, truyền thông, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.
- PLO 7: Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..
- PLO 8: Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

- PLO 9: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành

các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

- PLO 10: Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.

- PLO 11: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.

- PLO 12: Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.

2.2. Kỹ năng khác

- PLO 13: Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.

- PLO 14: Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).

- PLO 15: Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PLO 16: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.

- PLO 17: Vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành Ngôn ngữ Anh và xử lý mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Ngôn ngữ Anh với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao.

- PLO 18: Có thể độc lập, tự chủ trong việc thực hành nghiên cứu ngôn ngữ Anh, nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, xã hội, chính trị để ứng dụng trong các công việc liên quan như nghiên cứu liên ngành, biên dịch, phiên dịch, biên tập, giảng dạy, xuất bản, v.v...

PLO 19: Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

4. Về phẩm chất đạo đức

- PLO 20: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại nơi làm việc.

- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực Sư phạm Anh

- Có cơ hội học lên ở bậc cao hơn (tiên sĩ) các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Sư phạm Anh và các lĩnh vực khác thuộc ngôn ngữ học ứng dụng, nghiên cứu liên ngành liên quan đến ngôn ngữ Anh v.v.. để trở thành các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực được đào tạo.

**B. Ma trận chuẩn đầu ra CTĐT trong mối tương quan với Khung
trình độ quốc gia (bậc 7)**

ngành: Lí luận & phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức TC&TN			
Mã PLO	Nội dung chuẩn đầu ra	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
1	Kiến thức													
1.1	Kiến thức chung													
PLO 1	Vận dụng được kiến thức nền tảng chung về triết học, kiến thức chung về kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật;	x	x		x	x	x				x	x	x	x
PLO 2	Áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x					x	x	x	x
PLO 3	Áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x
1.2	Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành													
PLO 4	Xây dựng hệ thống kiến thức chuyên ngành tích hợp với các kiến thức nền tảng làm tiền đề cho việc phát triển các kỹ năng chuyển đổi giữa các ngành nghề liên quan, phù hợp.	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	
PLO 5	Vận dụng được các lý thuyết cơ bản về tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ, quá trình học ngoại ngữ trong công tác giảng dạy	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
1.3	Kiến thức của ngành / chuyên ngành													
PLO 6	Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Anh và mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành dạy học tiếng Anh với hiệu quả và tiến độ cao;	x	x		x			x	x		x	x	x	

PLO 7	Truyền đạt và tiếp thu kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
PLO 8	Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.	x			x	x			x		x	x	x	
2	Chuẩn đầu ra về kĩ năng													
2.1	Kỹ năng chuyên môn													
PLO 9	Vận dụng các kỹ năng của thể kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;	x	x		x	x					x	x	x	x
PLO 10	Vận dụng được các lý thuyết cơ bản về tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ, quá trình học ngoại ngữ trong công tác giảng dạy	x	x		x	x		x			x	x	x	x
PLO 11	Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	x	x	x	x	x		x			x	x	x	x
PLO 12	Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ đồ án.	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x
PLO 13	Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x

	phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).													
2.2	Kỹ năng khác													
PLO 14	Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.	x	x		x	x					x	x	x	x
PLO 15	Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	x	x		x	x	x	x			x	x	x	x
3	Về mức độ tự chủ và trách nhiệm													
PLO 16	Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính hội nhập quốc tế cao;	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
PLO 17	Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Anh và mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành dạy học tiếng Anh để đạt hiệu quả và tiến độ cao;	x	x		x	x			x		x	x	x	x
PLO 18	Có thể độc lập, tự chủ trong việc áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
PLO 19	Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x

	hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.														
4	Về phẩm chất đạo đức														
PLO 20	Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	

C. Ma trận chuẩn đầu ra trong mối tương quan với các học phần trong Khung chương trình đào tạo

Mã học phần	Học phần	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14	PL O15	PL O16	PL O17	PL O18	PL O19	PL O20
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	x	x	x	x	x
ENG 6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Anh)					4		4	4	4		5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG 6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng	3				4		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG 6028	Tâm lí học giảng dạy ngoại ngữ	3		5				4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG 6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn	3				4	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG 6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh			5	4	4	5	5	5	4	5	5		4	5	5	x	x	x	x	x
ENG 6009	Tiếng Anh viết khoa học		5					4	4	4		5		4		4	x	x	x	x	x
ENG 6010	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG 6205	Dụng học					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x

ENG 6007	Giao tiếp giao văn hoá			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG 6022	Các lí thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai		5					4	4	4		5		4		4	x	x	x	x	x
ENG 6018	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ			5	4	4		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG 6002	Ngôn ngữ học ứng			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG 6029	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ	4		5		4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG 6027	Lí thuyết về quá trình học					5	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG 6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh)				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG 6011	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG 6012	Văn học trong dạy học tiếng Anh	3		5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
ENG 6013	Hoa Kỳ học			5			4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG 6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội		5		5			5	5	5	4	5		5	5	5	x	x	x	x	x
ENG 6015	Ngôn ngữ học đối chiếu				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
ENG 6016	Nghiên cứu dịch thuật				4	4	4	5	5	5	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x

ENG 6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ				4	5	5	5	4	4	4	5		4	5	5	x	x	x	x	x
ENG 6025	Tiếng Anh toàn cầu			5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
ENG 6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành				4	5	5	5	5	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x
ENG 6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ	4	5	5	4	5	5	5	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	x
GLE 6001	Giáo dục cách tân			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	x
GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	x
GLE 6003	Thiết kế cuộc đời			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	x
STE 6001	Thiết kế và thực hành nghiên cứu	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	x	x	x	x	x
STE 6003	Hướng dẫn viết luận văn	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	x	x	x	x	x
STE 6004	Tính tự chủ và cá thể hóa trong quá trình học ngoại ngữ	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	x	x	x	x	x
STE 6005	Dạy ngoại ngữ cho trẻ em				5	5	5	5	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x	x	x
STE 6006	Dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng	4	5	5	5	5	5	5	5	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x

	Anh trong bối cảnh giáo dục toàn cầu																				
STE 6007	Học trực tuyến và Giảng dạy tiếng Anh	4	5	5	4	5	5	5	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
STE 6011	Phân tích ngôn ngữ cho giảng dạy tiếng Anh	4	5	5	4	4	5	5	5	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
STE 6009	Đánh giá phản biện các phương pháp giảng dạy tiếng Anh	4	5	5	4	5	5	5	5	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x	x
STE 6012	Đa ngôn tính và dạy học tích hợp nội dung-ngôn ngữ	4	5	5	5	4	4	5	5	4	4	5		4	5	5	x	x	x	x	x
ENG7204	Luận văn tốt nghiệp	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x	x
		Kiến thức							Kỹ năng							Tự chủ					

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: **43 tín chỉ**

- Khối kiến thức chung (bắt buộc): **4 tín chỉ**

- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **24 tín chỉ**

- Bắt buộc: **6 tín chỉ**

- Lựa chọn: **6 tín chỉ**

- Nghiên cứu khoa học: **12 tín chỉ**

- Luận văn: **15 tín chỉ**

2. Khung chương trình

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		4				
1.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		24				
II.1	Bắt buộc: 02 học phần		6				
2.	ENG 6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng (Research Methods in Applied Linguistics)	3	30	15		PHI5002
3.	ENG 6018	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	3	30	15		ENG 6005
II.2	Tự chọn: 02 học phần		6				
4.	ENG 6009	Tiếng Anh viết khoa học (Academic English Writing)	3	30	15		ENG 6005

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
5.	ENG 6028	Tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ (<i>Psychology for Language Teaching</i>)	3	30	15		ENG 6005 ENG 6018
6.	ENG 6022	Các lý thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai (<i>Theories of Second Language Learning</i>)	3	45	0		ENG 6005
7.	ENG 6020	Những vấn đề ngôn ngữ học đại cương và ứng dụng (<i>Issues in General Linguistics and Their Practical Applications</i>)	3	30	15		PHI5002
8.	ENG 6059	Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng (<i>Data Collection and Analysis in Applied Linguistics</i>)	3	30	15		ENG 6005
9.	ENG 6208	Miêu tả ngôn ngữ (<i>Language Description</i>)	3	30	15		ENG 6005
10.	ENG 6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh (<i>Approaches to English Language Teaching Curriculum and Materials Development</i>)	3	30	15		ENG 6005 ENG 6018
11.	ENG 6029	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (<i>Language Testing and Assessment</i>)	3	30	15		ENG 6005 ENG 6022
12.	ENG 6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (<i>Approaches to Discourse Analysis</i>)	3	30	15		ENG 6005

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
13.	ENG 6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (<i>Introduction to Applied Linguistics</i>)	3	30	15		ENG 6005
14.	ENG 6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ (<i>Language Policy and Enactment</i>)	3	30	15		ENG 6005 ENG 6018
15.	ENG 6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành (<i>Content and Language Integrated Learning</i>)	3	30	15		ENG 6005 ENG 6018
16.	ENG 6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ (<i>Bilingualism and Bilingual Education</i>)	3	30	15		ENG 6005 ENG 6018
17.	ENG 6011	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ (<i>Technology in Language Teaching</i>)	3	30	15	90	ENG 6023
18.	ENG 6033	Giao tiếp liên văn hóa (<i>Intercultural Communication</i>)	3	30	15		ENG 6005
19.	ENG 6007	Giao tiếp giao văn hoá (<i>Cross-Cultural Communication</i>)	3	30	15		ENG 6005
20.	ENG 6012	Văn học trong dạy học tiếng Anh (<i>Literature in English Teaching</i>)	3	30	15		ENG 6005
21.	ENG 6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (<i>Language, Culture and Society</i>)	3	30	15		ENG 6005

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
22.	ENG 6025	Các biến thể tiếng Anh trên thế giới (<i>World Englishes</i>)	3	30	15		ENG 6005
23.	ENG 6027	Lí thuyết về quá trình học (<i>Theories of Learning</i>)	3	30	15		ENG 6005 ENG 6018
24.	ENG 6015	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Anh) (<i>Contrastive Linguistics (English)</i>)	3	30	15		ENG 6005
25.	ENG 6010	Ngữ âm và âm vị học trong giảng dạy ngoại ngữ (<i>Phonetics and Phonology in Language Teaching</i>)	3	30	15		ENG 6005
26.	ENG 6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (<i>Semantics (English)</i>)	3	30	15		ENG 6005
27.	ENG 6205	Dụng học (<i>Pragmatics</i>)	3	30	15		ENG 6005 ENG 6020
28.	GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	45	0	0	
29.	GLE 6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Design your Lefe</i>)	3	45	0	0	
30.	PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp (<i>Teacher ethics and professional development</i>)	3	45	0	0	
31.	GLE 6001	Giáo giục cách tân (<i>innovative education</i>)	3	45	0	0	
32.	Nghiên cứu khoa học		12				

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
33.	STE 6001	Thiết kế và thực hành nghiên cứu (<i>Research Design and Practice</i>)	3	30	15		
34.	STE 6003	Hướng dẫn viết luận văn (<i>Dissertation</i>)	3	30	15		
35.	STE 6004	Tính tự chủ và cá thể hóa trong quá trình học ngoại ngữ (<i>Autonomy and Individualisation in Foreign Language Learning</i>)	3	30	15		
36.	STE 6005	Dạy ngoại ngữ cho trẻ em (<i>Teaching Foreign Languages to Younger Learners</i>)	3	30	15		
37.	STE 6006	Dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh trong bối cảnh giáo dục toàn cầu (<i>English as Medium of Instruction in Global Education</i>)	3	30	15		
38.	STE 6021	Thiết kế tài liệu sáng tạo trong giảng dạy tiếng Anh (<i>Creative Materials Design in English language education</i>)	3	45	0	0	
39.	STE 6009	Đánh giá phản biện các phương pháp giảng dạy tiếng Anh (<i>Current Issues in Language Teaching Methodology</i>)	3	45	0	0	
III	ENG7204	Luận văn thạc sỹ	15				
		Tổng cộng	43				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(DÀNH CHO SINH VIÊN TỐT NGHIỆP HỆ CHẤT LƯỢNG CAO CỦA ĐHNN-ĐHQGHN HOẶC SINH VIÊN CÓ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC ĐẠT TỐI THIỂU 150 TÍN CHỈ)

**NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG ANH
(ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)**

MÃ SỐ: 814011.01UD

*(Ban hành theo Quyết định số 1649/QĐ-ĐHQGHN, ngày 20 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng, Trường ĐHNN-ĐHQGHN)*

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh

+ Tiếng Anh: English Teaching Methodology

- Mã số ngành đào tạo: 8140111.01UD

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 01 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh

+ Tiếng Anh: English Teaching Methodology

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

MC1. Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh định hướng nghiên cứu đặt trọng tâm đào tạo ra những nhà chuyên môn có kiến thức lý thuyết nâng cao về phương pháp dạy học tiếng Anh và các khoa học có liên quan, có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá Anh và các nước nói tiếng Anh để vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào việc nghiên cứu phương pháp dạy học tiếng Anh;

MC2. Học viên tốt nghiệp chương trình thạc sỹ Lý luận và Phương pháp giảng dạy học bộ môn tiếng Anh có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành nhà giáo dục giỏi ở các bậc học, cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu tiếng Anh nói riêng và ngành sư phạm nói chung, những người có thể tạo ra sự thay đổi trong thực hành nghề nghiệp và dẫn dắt, tạo ảnh hưởng trong cộng đồng học thuật trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

M1. Cung cấp kiến thức chuyên sâu về các khoa học ngôn ngữ và các khoa học sư phạm;

M2. Mở rộng và cập nhật kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn dạy học tiếng Anh để học viên tốt nghiệp vận dụng vào nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn dạy học tiếng Anh cho các đối tượng người học khác nhau.

Về kỹ năng:

M3. Đào tạo các kỹ năng liên quan tới phương pháp dạy học ngoại ngữ, và nghiên cứu phục vụ nghiệp vụ giảng dạy Tiếng Anh.

M4. Phát triển kỹ năng xây dựng và thực hiện các đề tài nghiên cứu cải tiến phương pháp sư phạm để nâng cao hiệu quả dạy học của bản thân và góp phần đưa ra những sáng kiến đổi mới phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh trong phạm vi trường học và địa phương của mình, trong các điều kiện giảng dạy cụ thể, đối với các đối tượng người học và mục tiêu dạy học cụ thể.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

M5. Xây dựng năng lực học độc lập và học suốt đời, cùng với việc phát triển phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

M6. Xây dựng cho học viên có phẩm chất đặc trưng của học viên ULIS:

Là người học hạnh phúc; Đam mê khám phá tri thức mới; Quan tâm đến kết nối và phục vụ cộng đồng; Sáng tạo trong giải quyết vấn đề; Chủ động, tập trung trong quá trình học tập, nghiên cứu; Hiệu quả trong quản lý thời gian; Thích ứng nhanh với những thay đổi trong các môi trường học tập, nghiên cứu và làm việc khác nhau.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo qui định của ĐHQGHN và thi tuyển hàng năm

- Xét tuyển đối với người nước ngoài với các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- *Xét tuyển* đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học đáp ứng các điều kiện sau và lựa chọn một trong hai định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu:

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ đại học chính qui một số ngành của Trường ĐHNN, ĐHQGHN hoặc các Trường trong ĐHQGHN tốt nghiệp loại giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), phù hợp với ngành ở bậc cử nhân. (*xem thông báo cụ thể tuyển sinh hàng năm theo hướng dẫn của ĐHQGHN*).

+ Tốt nghiệp đại học chính qui ngành đúng hạng khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời hạn nộp hồ sơ), thuộc các CTĐT đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học.

- *Thi tuyển với các môn thi sau đây:*

+ Môn thi cơ bản: Lí luận & Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh

+ Môn thi cơ sở: Kỹ năng thực hành tiếng Anh

3.2. Ngành đào tạo

Căn cứ vào xếp hạng của văn bằng tốt nghiệp đại học, thí sinh có thể chọn một trong hai chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu (hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành ngôn ngữ) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu)) hoặc định hướng ứng dụng (hạng tốt nghiệp Trung bình hoặc Trung bình Khá).

3.3. Đối tượng tuyển sinh

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Anh hoặc Sư phạm tiếng Anh.

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.
- *Về kinh nghiệm công tác*: Không yêu cầu.

3.4. Thời gian đào tạo

Đào tạo trong 01 năm theo hình thức đào tạo chính quy tập trung (theo giờ hành chính các ngày Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy)

3.5. Dự kiến qui mô tuyển sinh.

- Không giới hạn theo chỉ tiêu chung.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

- PLO 1. Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức cơ sở và ngành dựa trên việc các nguyên lý cơ bản, nền tảng chung về triết học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước trong học tập và trong công việc.
- PLO 2. Phân tích, đánh giá được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập, nghiên cứu, từ đó có thể quản lý dữ liệu và công cụ học tập, nghiên cứu có hệ thống.

1.2. Kiến thức cơ sở và ngành

- PLO 3. Vận dụng hiệu quả và có chiến lược kiến thức khái quát về văn hóa, văn học các nước nói tiếng Anh, giao tiếp liên văn hóa, giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ; bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các hoạt động thuyết trình, phân tích có phê phán, các hoạt động thảo luận, tranh luận về chuyên môn.
- PLO 4. Phân tích, so sánh, đối chiếu được các vấn đề có tính liên ngành trong thực tế học tập và công việc dựa trên nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu liên quan (xã hội học, văn hóa học, chính trị học, giáo dục học,...) để đánh giá có phản biện các hoạt động chuyên môn trong công việc và học tập, cũng như các hiện tượng xã hội và cuộc sống.

- PLO 5. Vận dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;

Kiến thức cơ sở:

- Các trường phái ngôn ngữ học như ngôn ngữ học cấu trúc, ngôn ngữ học cải biến - tạo sinh, ngôn ngữ học chức năng, ngôn ngữ học tri nhận;
- Các ngành học liên quan đến lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh như ngôn ngữ học tâm lý, ngôn ngữ học xã hội, chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ; dụng học; v.v...
- Kiến thức ngoại ngữ học thuật phù hợp với ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh.

Kiến thức ngành:

- Các lý thuyết về quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai;
- Các lý thuyết về quá trình học;
- Tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ;
- Lý luận về phương pháp dạy học tiếng Anh và những vấn đề liên quan đến dạy học tiếng Anh đang được quan tâm trong cộng đồng chuyên môn thế giới;
- Các phương pháp giáo dục giáo viên ngoại ngữ;
- Phát triển chương trình và tài liệu dạy học ngoại ngữ;
- Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ;
- Kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh.

1.3. Kiến thức của ngành / ngành

- PLO 6: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành dạy học tiếng Anh, một cách sáng tạo và phục vụ các công việc nghiên cứu về phương pháp giảng dạy và các việc khác liên quan đến giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.

- PLO 7: Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..

- PLO 8: Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

- PLO 9: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

- PLO 10: Thiết kế và triển khai một cách thành thực một nghiên cứu nhỏ dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và trình bày kết quả nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp theo chuẩn mực được quy định về ngôn ngữ và chất lượng nghiên cứu.

- PLO 11: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.

- PLO 12: Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.

- PLO 13: Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).

2.2. Kỹ năng khác

- PLO 14: Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.

- PLO 15: Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PLO 16: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo; sáng tạo để có thể đưa ra các sáng kiến quan trọng.

- PLO 17: Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành dạy học tiếng Anh và mọi công việc phát sinh liên quan tới ngành dạy học tiếng Anh để đạt hiệu quả và tiến độ cao;

- PLO 18: Có thể độc lập, tự chủ trong việc áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;

- PLO 19: Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.

4. Về phẩm chất đạo đức

- PLO 20: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.

**B. Ma trận chuẩn đầu ra CTĐT trong mối tương quan với Khung trình độ quốc gia (bậc 7)
ngành: Lí luận & phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh**

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức TC&TN			
Mã PLO	Nội dung chuẩn đầu ra	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
1	Kiến thức													
1.1	Kiến thức chung													
PLO 1	Vận dụng được kiến thức nền tảng chung về triết học, kiến thức chung về kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật;	x	x		x	x	x				x	x	x	x
PLO 2	Áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x					x	x	x	x
PLO 3	Áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x
1.2	Kiến thức nhóm ngành / ngành													
PLO 4	Xây dựng hệ thống kiến thức ngành tích hợp với các kiến thức nền tảng làm tiền đề cho việc phát triển các kỹ năng chuyển đổi giữa các ngành nghề liên quan, phù hợp.	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	
PLO 5	Vận dụng được các lý thuyết cơ bản về tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ, quá trình học ngoại ngữ trong công tác giảng dạy	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
1.3	Kiến thức của ngành / ngành													

PLO 6	Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành dạy học tiếng Anh và mọi công việc phát sinh liên quan tới ngành dạy học tiếng Anh với hiệu quả và tiến độ cao;	x	x		x			x	x		x	x	x	
PLO 7	Truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới, v.v..	x	x		x	x		x	x		x	x	x	
PLO 8	Trình bày ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.	x			x	x			x		x	x	x	
2	Chuẩn đầu ra về kĩ năng													
2.1	Kỹ năng chuyên môn													
PLO 9	Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;	x	x		x	x					x	x	x	x
PLO 10	Vận dụng được các lý thuyết cơ bản về tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ, quá trình học ngoại ngữ trong công tác giảng dạy	x	x		x	x		x			x	x	x	x
PLO 11	Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu.	x	x	x	x	x		x			x	x	x	x
PLO 12	Trình bày ý tưởng, truyền đạt tri thức với lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lí, sử dụng văn phong phù hợp; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu và tham gia thảo luận các vấn đề chuyên môn tại các buổi thuyết trình, hội thảo và bảo vệ luận văn, đồ án.	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x

PLO 13	Vận dụng sáng tạo và khoa học các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ bao gồm các phương pháp nghiên cứu định lượng, các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (kết hợp định tính với định lượng).	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
2.2	Kỹ năng khác													
PLO 14	Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm để thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn lưu trữ, khai thác tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.	x	x		x	x					x	x	x	x
PLO 15	Khai thác, vận dụng sáng tạo được các nguồn công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.	x	x		x	x	x	x			x	x	x	x
3	Về mức độ tự chủ và trách nhiệm													
PLO 16	Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính hội nhập quốc tế cao;	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
PLO 17	Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành dạy học tiếng Anh và mọi công việc phát sinh liên quan tới ngành dạy học tiếng Anh để đạt hiệu quả và tiến độ cao;	x	x		x	x			x		x	x	x	x
PLO 18	Có thể độc lập, tự chủ trong việc áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phản biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
PLO 19	Có khả năng tự thích nghi và định hướng hoạt động tự học, vận dụng linh hoạt các chiến lược phát triển nghề nghiệp để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân, có khả năng dẫn dắt chuyên môn, năng lực giao tiếp thể hiện được sự hiểu biết và độ nhạy cảm đa văn hóa, và giao tiếp hữu hiệu dựa trên sự hiểu biết và tôn trọng bản thân và đối tác từ các nền văn hóa khác nhau.	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
4	Về phẩm chất đạo đức													

PLO 20	Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x
--------	--	---	---	---	---	---	---	--	---	--	---	---	---	---

C. Ma trận chuẩn đầu ra trong mối tương quan với các học phần trong Khung chương trình đào tạo

Mã học phần	Học phần	PLO 1	PL O2	PL O 3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O1 0	PL O1 1	PL O1 2	PL O1 3	PL O1 4	PL O1 5	PL O1 6	PL O1 7	PL O1 8	PL O1 9	P L O 2 0
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	5	5	5	5	5
ENG6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Anh)					4		4	4	4		5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng	3				4		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh)	3		5				4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG8028	Tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ	3				4	5	4		4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn							4	4	4				4	5	5	5	5	5	5	5
ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh)		5					4	4	4				4		4	5	5	5	5	5
ENG6014	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội					5		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG62009	Tiếng Anh viết khoa học					5		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6027	Lí thuyết về quá trình học			4	5			4			4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6007	Giao tiếp giao văn hóa		5					4	4	4		5		4		4	5	5	5	5	5
ENG6025	Dụng học			5	4	4				4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa			4		5	5	4	4			5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6010	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học	4		5		4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6011	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học					5	4	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6015	Ngôn ngữ học đối chiếu				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5

ENG6018	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6022	Các lí thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai	3		5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	5	5	5	5	5
ENG6029	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ			5			4	4	4	4	4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ		5		5			5	5	5	4	5		5	4	4	5	5	5	5	5
ENG6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung ngành				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	5	5	5	5	5
ENG6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ				4	4			4	4	4	5		4	4	5	5	5	5	5	5
ENG6013	Hoa Kỳ học				4		4	4			4	5		4	4	4	5	5	5	5	5
ENG6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh			5	4			4			4	5		4	4	5	5	5	5	5	5
ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật				4			4	4	4	4	5		4	4	4	4	4	4	4	4
ENG6025	Tiếng Anh toàn cầu			5	4	4	4	4	4			5		4	4	5	5	5	5	5	5
GLE 6001	Giáo dục cách tân			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4
GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4
GLE 6003	Thiết kế cuộc đời			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	4
PEM 6003	Thực tập SP 1	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	5	5	5	5	5
PEM 6004	Thực tập SP 2	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	5	5	5	5	5
ENG7303	HP tốt nghiệp / Đồ án tốt nghiệp	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	5	5	5	5	5
		Kiến thức						Kỹ năng						Tự chủ							

4.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh định hướng ứng dụng có khả năng thiết kế và thực hiện các chương trình dạy học tiếng Anh ở các học viện, trường đại học, cao đẳng chuyên và không chuyên tiếng Anh; làm nòng cốt chuyên môn ở các trường phổ thông trung học, trung cấp chuyên nghiệp; v.v...

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại nơi làm việc.
- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực Sư phạm Anh
- Có cơ hội học lên ở bậc cao hơn các ngành thuộc lĩnh vực Sư phạm Anh và các lĩnh vực khác thuộc ngôn ngữ học ứng dụng, nghiên cứu liên ngành liên quan đến ngôn ngữ Anh v.v.. để trở thành các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực được đào tạo.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo.

1. Taught courses in Modern Languages, School of Humanities – the University of Southampton, the UK

http://www.southampton.ac.uk/humanities/postgraduate/taught_courses/taught_courses/our_courses/modern_languages.page

2. The Master of Applied Linguistics, the University of Melbourne, Australia

<http://coursesearch.unimelb.edu.au/grad/795-master-of-applied-linguistics>

3. The MA in English Language and Literary Studies, the University of Lancaster, the UK

<http://www.lancaster.ac.uk/study/postgraduate/postgraduate-courses/english-language-and-literary-studies-ma>

4. Applied Linguistics, MA (Online and On-Campus), the University of Massachusetts Boston, the US

<https://www.umb.edu/academics/cla/appling/grad/online>

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: **40 tín chỉ**

- Khối kiến thức chung (bắt buộc): **4 tín chỉ**

- Khối kiến thức cơ sở và ngành: **27 tín chỉ**

- Bắt buộc: **12 tín chỉ**

- Lựa chọn: **9 tín chỉ**

- Thực tập: **6 tín chỉ**

- Đồ án tốt nghiệp: **9 tín chỉ**

2. Khung chương trình

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		4				
40.	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và ngành		27				
II.1	Bắt buộc: 04 học phần		12				
41.	ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng (Research Methods in Applied Linguistics)	3	30	15		PHI5002
42.	ENG6018	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (Language Teaching Methodology)	3	30	15		
43.	ENG6028	Tâm lí học giảng dạy ngoại ngữ (Psychology for Language Teaching)	3	30	15		
44.	ENG6022	Các lí thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai (Theories of Second Language Learning)	3	45	0		

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
II. 2	Tự chọn: 03 học phần		9				
45.	ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học (Academic English Writing)	3	30	15		
46.	ENG6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Anh) (General Linguistics (English))	3	30	15		
47.	ENG6059	Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng (Data Collection and Analysis in Applied Linguistics)	3	30	15		
48.	ENG6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh (Approaches to English Language Teaching Curriculum and Materials Development)	3	30	15		
49.	ENG6208	Miêu tả ngôn ngữ (Language Description)	3	30	15		
50.	ENG6015	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Anh) (Contrastive Linguistics (English))	3	30	15		
51.	ENG6029	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (Language Testing and Assessment)	3	30	15		
52.	ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (Approaches to Discourse Analysis)	3	30	15		
53.	ENG6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (Introduction to Applied Linguistics)	3	30	15		

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
54.	ENG6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ (<i>Language Policy and Enactment</i>)	3	30	15		
55.	ENG6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung ngành (<i>Content and Language Integrated Learning</i>)	3	30	15		
56.	ENG6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ (<i>Bilingualism and Bilingual Education</i>)	3	30	15		
57.	ENG6010	Ngữ âm và âm vị học trong giảng dạy ngoại ngữ (<i>Phonetics and Phonology in Language Teaching</i>)	3	30	15		
58.	ENG6011	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ (<i>Technology in Language Teaching</i>)	3	30	15		
59.	ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa (<i>Intercultural Communication</i>)	3	30	15		
60.	ENG6007	Giao tiếp giao văn hoá (<i>Cross-Cultural Communication</i>)	3	30	15		
61.	ENG6012	Văn học trong dạy học tiếng Anh (<i>Literature in English Teaching</i>)	3	30	15		
62.	ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (<i>Language, Culture and Society</i>)	3	30	15		
63.	ENG6025	Tiếng Anh toàn cầu (<i>World Englishes</i>)	3	30	15		
64.	ENG6027	Lí thuyết về quá trình học (<i>Theories of Learning</i>)	3	30	15		
65.	ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (<i>Semantics (English)</i>)	3	30	15		
66.	ENG6205	Dụng học (<i>Pragmatics</i>)	3	30	15		

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
67.	GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (<i>Social emotional intelligence and communication</i>)	3	45	0		
68.	GLE 6003	Thiết kế cuộc đời (<i>Design your Life</i>)	3	45	0		
69.	PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp (<i>Teacher ethics and professional development</i>)	3	45	0		
70.	GLE 6001	Giáo giục cách tân (<i>innovative education</i>)	3	45	0		
	Thực tập						
71.	PEM 6003	Thực tập sư phạm 1 (<i>Teaching Practice 1</i>)	3	30	15		
72.	PEM 6004	Thực tập sư phạm 2 (<i>Teaching Practice 2</i>)	3	30	15		
III	ENG7203	Đồ án tốt nghiệp (<i>MA Graduation Course/Project</i>)	9				
		Tổng cộng	40				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ DÀNH CHO SINH VIÊN TỐT NGHIỆP HỆ CHẤT LƯỢNG CAO CỦA TRƯỜNG ĐHNN VÀ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP CÁC TRƯỜNG KHÁC (CÓ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC ĐẠT TỐI THIỂU 150 TÍN CHỈ)

NGÀNH: NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ HỌC ỨNG DỤNG TIẾNG ANH

MÃ SỐ: 8220214.01NC

(Ban hành theo Quyết định số 1649/QĐ-ĐHQGHN, ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng, Trường ĐHNN-ĐHQGHN)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh)

+ Tiếng Anh: Applied Linguistics (English)

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8220214.01NC

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh)

+ Tiếng Anh: Applied Linguistics (English)

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 1,5 năm (18 tháng)

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh)

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Applied Linguistics (English)

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

M1. Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh) định hướng nghiên cứu góp phần thực hiện:

Triết lý giáo dục của Trường ĐHN - ĐHQGHN, nhằm giáo dục theo định hướng Kiến tạo xã hội, trao cho người học công cụ trí tuệ và cảm xúc để tự chủ, tự thay đổi, tự khám phá và lĩnh hội tri thức, phát triển nhân cách, năng lực và kỹ năng, khai phóng sự năng động, sáng tạo của bản thân thông qua các hoạt động học tập, trải nghiệm thực tế, trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cá nhân, cộng đồng và xã hội.

Sứ mệnh của Trường ĐHN - ĐHQGHN là đóng góp vào sự phát triển và hội nhập thông qua việc tham gia đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, thực tiễn đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức, đáp ứng yêu cầu của xã hội theo chuẩn quốc tế.

Giá trị cốt lõi của Trường ĐHN - ĐHQGHN là đào tạo nguồn nhân lực luôn đổi mới sáng tạo, có trách nhiệm với quốc gia và phát triển bền vững.

Chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu này nhằm tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao ngành NNHUDTA có phẩm chất đạo đức tốt, khả năng thích ứng cao, được cập nhật và nâng cao tri thức về ngành ngôn ngữ và tri thức chuyên ngành NNHUD bao gồm biên phiên dịch, thương mại, du lịch, truyền thông, ngoại giao, hợp tác quốc tế và các tiếng Anh chuyên ngành khác; có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh và kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào nghiên cứu thực tiễn.

M2. Sau khi tốt nghiệp chương trình, thạc sĩ NNHUDTA có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành nhà chuyên môn giỏi ở các bậc học, cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng và nghiên cứu tiếng Anh nói riêng và ngành ngôn ngữ nói chung, những người có thể tạo ra sự thay đổi trong lĩnh vực ngôn ngữ tiếng Anh, có khả năng lãnh đạo, tạo ảnh hưởng trong cộng đồng học thuật trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

M3. Chương trình cung cấp kiến thức chuyên sâu văn hóa, chính trị, xã hội, pháp luật phù hợp với chuyên ngành NNA và với yêu cầu phát triển đất nước, nâng cao khả năng đóng góp hữu hiệu của người học vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng;

M4. Chương trình cung cấp kiến thức về các khoa học ngôn ngữ và các khoa học sư phạm, mở rộng và cập nhật kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn sử dụng tiếng Anh để học viên tốt nghiệp vận dụng vào nghiên cứu;

M5. Chương trình cung cấp các kiến thức chuyên ngành hẹp giúp người học phát hiện và nghiên cứu các vấn đề trong thực tiễn sử dụng tiếng Anh ở nước ta, đáp ứng nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn về lĩnh vực ngôn ngữ Anh cho đội ngũ cán bộ, các giảng viên, nhà giáo dục, nhà nghiên cứu thuộc lĩnh vực liên quan trong cả nước.

Về kỹ năng:

M6. Chương trình cung cấp các kỹ năng nghiên cứu về ngôn ngữ cơ bản. Ngoài ra, chương trình còn phát triển các kỹ năng tiếng Anh, đặt biệt là các kỹ năng phục vụ nghiên cứu về lĩnh vực Ngôn ngữ Anh và các ngành có liên quan;

M7. Trang bị kỹ năng mềm nhằm phát triển các năng lực cá nhân phù hợp với môi trường công việc, sáng tạo và năng động;

Về mức độ tự chủ và trách nhiệm:

M8. Trang bị năng lực tự phát hiện vấn đề nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các đề tài nghiên cứu liên quan tới lĩnh vực Ngôn ngữ Anh để nâng cao hiệu quả sử dụng NNA không chỉ của bản thân mà còn đóng góp cho nhiệm vụ đổi mới giáo dục ngoại ngữ, đặc biệt là NNA trong phạm vi trong nước và quốc tế.

M9. Trang bị năng lực tự học và tự nghiên cứu suốt đời cho học viên;

Về phẩm chất chính trị:

M10. Chương trình cũng góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Người tốt nghiệp chương trình đào tạo này sẽ đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu (về kiến thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ và trách nhiệm) phù hợp với các quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học”, cụ thể như sau:

2.1. Về kiến thức

2.1.1. Kiến thức thực tế và lí thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lí và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo

PLO1. Vận dụng được kiến thức nền tảng chung về triết học, kiến thức chung về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, nhân sinh quan chân chính tiên bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lý luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước;

PLO 2. Áp dụng kiến thức giáo dục và kiến thức ngôn ngữ với tư duy phân tích và phân biện về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các quy luật phát triển của ngôn ngữ;

PLO 3. Phân tích và tổng hợp các kiến thức cơ bản về văn học – văn hóa, giao tiếp liên-giao văn hóa trong giao tiếp, giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ;

2.1.2. Kiến thức liên ngành có liên quan

PLO 4. Xây dựng hệ thống kiến thức chuyên ngành tích hợp với các kiến thức nền tảng làm tiền đề cho việc phát triển các kỹ năng chuyển đổi giữa các ngành nghề liên quan, phù hợp.

2.1.3. Kiến thức chung về quản trị và quản lí

PLO 5. Quản trị và quản lý các hoạt động giảng dạy phù hợp với bối cảnh dạy và học tiếng Anh.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra sử lí các vấn đề một cách khoa học

PLO 6. Vận dụng được các lý thuyết cơ bản về tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ, quá trình học ngoại ngữ trong công tác giảng dạy

PLO 7. Vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dạy học tiếng Anh và mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành dạy học tiếng Anh với hiệu quả và tiến độ cao;

2.2. Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác

PLO 8. Giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác để làm việc hiệu quả và thích nghi với sự thay đổi liên tục của các hoạt động xã hội;

PLO 9. Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (hợp tác, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng công nghệ thông tin, quản lý công việc và thời gian, lãnh đạo và quản lý sự thay đổi, sáng tạo và đổi mới), trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội trong giảng dạy, học tập và cuộc sống;

PLO 10. Sử dụng tốt tiếng Anh xã hội và tiếng Anh học thuật ở trình độ tối thiểu tương đương bậc 5 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

PLO 11. Thảo luận, trao đổi các phương pháp và kỹ thuật dạy học, phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá ngoại ngữ hiện đại với cộng đồng chuyên môn;

2.3. Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp

PLO 12. Hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

PLO 13. Tổ chức thực hiện các nghiên cứu cải tiến phương pháp sư phạm độc lập nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ tại các cơ sở giáo dục;

PLO 14. Quản trị và quản lý các nghiên cứu cơ bản nhằm cải tiến phương pháp sư phạm trong giảng dạy ngoại ngữ

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO 15: Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính hội nhập quốc tế cao;

PLO 16: Xây dựng, đánh giá kế hoạch;

PLO 17. Phát huy trí tuệ tập thể trong hoạt động chuyên môn;

PLO 18: Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu.

4. Về phẩm chất đạo đức

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

PLO 19. Rèn luyện tính trung thực, tự tin, sẵn sàng đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định về đạo đức; can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi.

4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

PLO 20. Cam kết và trách nhiệm trong việc đóng góp cho chuyên ngành học và nghề nghiệp với tư cách là một nhà giáo dục ngoại ngữ;

PLO 21. Vận dụng linh hoạt và phù hợp quy tắc ứng xử của một nhà giáo trong mối quan hệ với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh và những cá nhân liên quan trong môi trường giáo dục;

PLO 22. Xây dựng tính chuyên nghiệp cao: tuân thủ các quy định của nghề nghiệp, không ngừng chiêm nghiệm để cải tiến, nâng cao hiệu quả công việc.

4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

PLO 23. Xác định được trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của một công dân; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm

việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

5. Bảng ma trận đối sánh mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra chương trình ngôn ngữ Anh định hướng ứng dụng

Chuẩn đầu ra (PLO)	Mục tiêu đào tạo (M)									
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8	M9	M10
PLO 1	x	x	x							x
PLO 2	x	x	x	x		x		x	x	x
PLO 3		x	x	x		x	x			x
PLO 4		x	x		x	x	x			x
PLO 5	x	x		x		x		x		x
PLO 6	x	x			x	x		x	x	x
PLO 7		x		x	x	x		x	x	x
PLO 8	x	x	x			x	x			x
PLO 9	x			x	x			x	x	x
PLO 10		x	x		x	x	x			x
PLO 11			x		x	x		x	x	x
PLO 12	x	x		x	x		x	x		x
PLO 13			x	x	x		x	x	x	x
PLO 14	x	x	x		x		x	x		x
PLO 15	x			x	x	x			x	x
PLO 16			x	x	x		x	x	x	x
PLO 17			x	x	x	x		x	x	x
PLO 18	x	x		x	x		x	x		x

PLO 19	x	x	x		x	x	x			x
PLO 20	x	x		x		x		x		x
PLO 21				x	x	x	x			x
PLO 22				x	x		x	x	x	x
PLO 23	x	x								x

PHẦN III. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin tuyển sinh

1.1. Hình thức tuyển sinh

- Xét tuyển hoặc thi tuyển đối với các thí sinh đã tốt nghiệp hệ đào tạo cử nhân chất lượng cao của Trường ĐHNN-ĐHQGHN và đảm bảo các điều kiện theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội;

1.2. Đối tượng tuyển sinh

Về văn bằng: Thí sinh cần có bằng tốt nghiệp đại học từ loại khá trở lên cho các ngành Sư phạm Tiếng Anh chất lượng cao hoặc Ngôn ngữ Anh chất lượng cao của Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN; hoặc bằng tốt nghiệp của các chương trình đại học mà đáp ứng về ngành học, có khối lượng kiến thức đạt tối thiểu 150 tín chỉ.

Về kinh nghiệm công tác: Không yêu cầu.

1.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

Không giới hạn

2. Vị trí việc làm mà học viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận

2.1. Những vị trí công tác học viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh định hướng nghiên cứu có thể đảm nhận các vị trí công tác có liên quan đến Ngôn ngữ học ứng dụng như giáo viên các trường phổ thông, chuyên gia ngôn ngữ trong

các trung tâm ngôn ngữ, chuyên gia biên dịch, phiên dịch tiếng Anh tại các cơ quan ngoại giao và các cơ quan, đơn vị có sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giao tiếp chính trong và ngoài nước; cán bộ phụ trách công tác báo chí truyền thông tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; phóng viên, biên tập viên báo chí, truyền thông; chuyên gia tư vấn, hỗ trợ cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình về mặt ngôn ngữ; cán bộ giảng dạy ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, đất nước học, quốc tế học và thực hành tiếng tại các cơ sở đào tạo tiếng Anh và ngôn ngữ khác; cán bộ đối ngoại, văn phòng tại các công ty, cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương; biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản văn hóa, chính trị; các nhà quản lý tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện.

2.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh theo định hướng nghiên cứu có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn và đảm nhận các nhiệm vụ đòi hỏi kỹ năng nghề nghiệp cao. Họ có thể làm trong các nghiệp vụ có liên quan đến Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh có tính ứng dụng cao như giảng dạy tiếng Anh, biên phiên dịch, thiết kế ứng dụng biên/phiên dịch, biên tập viên trong các tạp chí khoa học về ngôn ngữ và các cơ quan truyền thông đại chúng. Họ là những người có thể bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn, cũng như xây dựng được năng lực tự học để tự phát triển bản thân và cũng có thể tiếp tục học lên các bậc học cao hơn.

3. Yêu cầu đối với người học

3.1. Yêu cầu đối với luận văn

Luận văn thạc sỹ trong chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh (định hướng nghiên cứu) là công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lý thuyết, thực hành và kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề liên quan đến Ngôn ngữ học ứng dụng trong việc phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân như

công tác biên dịch, phiên dịch, và công tác biên tập trong các tạp chí khoa học ngôn ngữ, công tác giảng dạy và nghiên cứu.

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực Ngôn ngữ học ứng dụng định hướng nghiên cứu được Tiểu ban Ngôn ngữ học ứng dụng của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ khả năng vận dụng những kiến thức về ngôn ngữ học và phương pháp nghiên cứu được trang bị trong quá trình học để thực hiện đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu của học viên trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác.

Luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu có khối lượng khoảng 80 trang A4 (khoảng 20.000 từ), được chế bản theo mẫu quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Tự tìm tòi và nghiên cứu các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại nơi làm việc.
- Tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến lĩnh vực Sư phạm Anh
- Có thể học lên ở bậc cao hơn (tiến sĩ) các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Sư phạm Anh và các lĩnh vực khác thuộc ngôn ngữ học ứng dụng, nghiên cứu liên ngành liên quan đến ngôn ngữ Anh v.v.. để trở thành các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực được đào tạo.

4. Danh mục các ngành gần, ngành phù hợp

TT	Ngành đào tạo thạc sĩ	Tên văn bằng thạc sĩ sau khi tốt nghiệp	Ngành phù hợp ở bậc Cử nhân đủ điều kiện xét tuyển thẳng
5.	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh	Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh
6.	Sư phạm Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh

PHẦN IV: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra (programme outcome)

Mã học phần	Học phần	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14	PL O15	PL O16	PL O17	PL O18	PL O19	PL O20	PL O21	PL O22	PL O23
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		X	X	X	X	X	X	X	X	X
ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng (Research Methods in Applied Linguistics)					4		4	4	4		5		4	4	X	X	X	X	X	X	X	X	X
ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (Approaches to Discourse Analysis)	3				4		4	4	4	4	5		4	4	X	X	X	X	X	X	X	X	X
ENG6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Anh) (General Linguistics (English))	3		5				4	4	4	4	5		4	4	X	X	X	X	X	X	X	X	X
ENG 6036	Một số vấn đề trong nghiên cứu văn hóa xuyên quốc gia (Issues in Transnational Cultural Studies)	3				4	5	4	4	4	4	5		4	4	X	X	X	X	X	X	X	X	X
ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học (Academic English Writing)			5	4	4	5	5	5	4	5	5		4	5	X	X	X	X	X	X	X	X	X

ENG 6077	Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng (Data Collection and Analysis in Applied Linguistics)		5					4	4	4		5		4		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6007	Giao tiếp giao văn hoá (Cross-Cultural Communication)					5		4	4	4	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)					5		4	4	4	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (Language, Culture and Society)			4	5			4	4	4	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6024	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)		5					4	4	4		5		4		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6202	Miêu tả ngôn ngữ (Language Description)			5	4	4		4	4	4	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (Semantics (English))			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6010	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học trong giảng dạy ngoại ngữ (Phonetics and Phonology in Language Teaching)	4		5		4	4	4	4	4	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh)					5	4	4	4	4	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

	(Translation Studies (English))																								
ENG6204	Ngữ pháp chức năng (<i>Functional Grammar</i>)				5	5		4	4	4	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6205	Dụng học (<i>Pragmatics</i>)				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6025	Các biến thể tiếng Anh trên thế giới (<i>World Englishes</i>)	3		5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6026	Ngôn ngữ và truyền thông (<i>Language and the Media</i>)			5			4	4	4	4	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6029	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (<i>Language Testing and Assessment</i>)		5		5			5	5	5	4	5		5	5	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6022	Các lý thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai (<i>Theories of Second Language Learning</i>)				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh (<i>Approaches to English Language Teaching Curriculum and Materials Development</i>)				4	4	4	5	5	5	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
ENG6018	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ				4	5	5	5	4	4	4	5		4	5	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

	(Language Teaching Methodology)																								
ENG6028	Tâm lí học giảng dạy ngoại ngữ (Psychology for Language Teaching)			5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
ENG6027	Lí thuyết về quá trình học (Theories of Learning)				4	5	5	5	5	4	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
ENG6011	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ (Technology in Language Teaching)	4	5	5	4	5	5	5	4	4	4	5		4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
ENG6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ (Language Clicy and Enactment)			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
ENG6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành (Content and Language Integrated Learning)			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
ENG6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ (Bilingualism and Bilingual Education)			4	4				4					4	4	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
		Kiến thức								Kỹ năng								MĐTCCTN& ĐĐ							

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

43 tín chỉ, trong đó:

-

Khối kiến thức chung (bắt buộc):
4 tín chỉ

-

Khối kiến thức cơ sở và chuyên
24 tín chỉ

ngành:

+ Bắt buộc:

06 tín chỉ

+ Tự chọn:

06 tín chỉ

+ *NCKH*:

12 tín chỉ

-

Luận văn thạc sĩ: **15** tín chỉ

2. Khung chương trình

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ/ Giờ lý thuyết	Mã số các học phần tiên quyết
I	Khối kiến thức chung		4		
1	PHI5002	Triết học (Philosophy)	4	60	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		24		
II.1.	Các học phần bắt buộc		06		
1.	ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng (<i>Research Methods in Applied Linguistics</i>)	3	45	

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ/ Giờ lý thuyết	Mã số các học phần tiên quyết
2.	ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (<i>Approaches to Discourse Analysis</i>)	3	45	
II.2.	Các học phần tự chọn: 2 học phần		06		
3.	ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học (<i>Academic English Writing</i>)	3	45	
4.	ENG6020	Những vấn đề ngôn ngữ học đại cương và ứng dụng (<i>Issues in General Linguistics and Their Practical Applications</i>)	3	45	
5.	ENG 6036	Một số vấn đề trong nghiên cứu văn hóa xuyên quốc gia (<i>Issues in Transnational Cultural Studies</i>)	3	45	
6.	ENG 6059	Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng (<i>Data Collection and Analysis in Applied Linguistics</i>)	3	45	
7.	ENG6007	Giao tiếp giao văn hoá (<i>Cross-Cultural Communication</i>)	3	45	
8.	ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa (<i>Intercultural Communication</i>)	3	45	
9.	ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (<i>Language, Culture and Society</i>)	3	45	

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ/ Giờ lý thuyết	Mã số các học phần tiên quyết
10.	ENG6024	Ngôn ngữ học tri nhận (<i>Cognitive Linguistics</i>)	3	45	
11.	ENG6202	Miêu tả ngôn ngữ (<i>Language Description</i>)	3	45	
12.	ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (<i>Semantics (English)</i>)	3	45	
13.	ENG6010	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học trong giảng dạy ngoại ngữ (<i>Phonetics and Phonology in Language Teaching</i>)	3	45	
14.	ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh) (<i>Translation Studies (English)</i>)	3	45	
15.	ENG6204	Ngữ pháp chức năng (<i>Functional Grammar</i>)	3	45	
16.	ENG6205	Dụng học (<i>Pragmatics</i>)	3	45	
17.	ENG6025	Các biến thể tiếng Anh trên thế giới (<i>World Englishes</i>)	3	45	
18.	ENG6026	Ngôn ngữ và truyền thông (<i>Language and the Media</i>)	3	45	
19.	ENG6029	Kiểm tra và đánh giá năng lực ngôn ngữ (<i>Language Testing and Assessment</i>)	3	45	

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ/ Giờ lý thuyết	Mã số các học phần tiên quyết
20.	ENG6022	Các lý thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai (<i>Theories of Second Language Learning</i>)	3	45	
21.	ENG6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh (<i>Approaches to English Language Teaching Curriculum and Materials Development</i>)	3	45	
22.	ENG6018	Lý luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (<i>Language Teaching Methodology</i>)	3	45	
23.	ENG6028	Tâm lý học giảng dạy ngoại ngữ (<i>Psychology for Language Teaching</i>)	3	45	
24.	ENG6027	Lý thuyết về quá trình học (<i>Theories of Learning</i>)	3	45	
25.	ENG6011	Kỹ thuật và công nghệ trong dạy học ngoại ngữ (<i>Technology in Language Teaching</i>)	3	45	
26.	ENG6023	Chính sách ngôn ngữ và việc thực hiện chính sách ngôn ngữ (<i>Language Policy and Enactment</i>)	3	45	

STT	Mã Học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ/ Giờ lý thuyết	Mã số các học phần tiên quyết
27.	ENG6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành (Content and Language Integrated Learning)	3	45	
28.	ENG6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ (Bilingualism and Bilingual Education)	3	45	
29.	GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội (Social emotional intelligence and communication)	3	45	
30.	GLE 6003	Thiết kế cuộc đời (Design your Life)	3	45	
31.	PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp (Teacher ethics and professional development)	3	45	
32.	GLE 6001	Giáo giục cách tân (innovative education)	3	45	
Nghiên cứu khoa học			12		
33.	STE 6001	Thiết kế và thực hành nghiên cứu (Research Design and Practice)	3	45	0
34.	STE 6003	Hướng dẫn viết luận văn (Dissertation)	3	45	0
35.	STE 6004	Tính tự chủ và cá thể hóa trong quá trình học ngoại ngữ	3	45	0

STT	Mã Học phần	Tên học phần <i>(ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)</i>	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ/ <i>Giờ lý thuyết</i>	Mã số các học phần tiên quyết
		<i>(Autonomy and Individualisation in Foreign Language Learning)</i>			
36.	STE 6005	Dạy ngoại ngữ cho trẻ em <i>(Teaching Foreign Languages to Younger Learners)</i>	3	45	0
37.	STE 6006	Dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh trong bối cảnh giáo dục toàn cầu <i>(English as Medium of Instruction in Global Education)</i>	3	45	0
III	Luận văn thạc sĩ		15		
	Tổng cộng		43		

